

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬ
DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐẮK HÀ

Đắk Hà, năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
THUYẾT MINH TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SỬ
DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐẮK HÀ

Ngày ... tháng... năm 2023
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH KON TUM

Ngày ... tháng... năm 2023
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ

Đắk Hà, năm 2023

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	4
I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	
HUYỆN ĐẮK HÀ.	4
1. Những căn cứ pháp lý	4
2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ.....	6
II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐẮK HÀ.....	7
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7
IV. CÁC SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO	7
1. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện	7
2. Nội dung chính của báo cáo gồm.	7
Phần I.....	9
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	9
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:.....	9
1. Vị trí địa lý:	9
2. Địa hình địa mạo:.....	10
3. Khí hậu:	10
4. Thủy văn:	12
5. Các nguồn tài nguyên	13
5.1. Tài nguyên đất:	13
5.2. Tài nguyên nước:	15
5.3. Tài nguyên rừng:	16
5.4. Tài nguyên khoáng sản:	16
5.5. Tài nguyên nhân văn:	17
6. Thực trạng môi trường:	17
6.1. Môi trường đất:.....	17
6.2. Môi trường nước:.....	17
6.3. Môi trường không khí:	17
II. KINH TẾ, XÃ HỘI:	18
1. Phát triển kinh tế.....	18
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	18
1.2. Nông, lâm thủy sản.....	18
1.3. Công nghiệp - Xây dựng.....	19
1.4. Thương mại - Dịch vụ.....	20
1.5. Thu, chi ngân sách.....	20
1.6. Đầu tư phát triển; Chương trình Mục tiêu quốc gia	20
1.7. Tình hình thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã.....	21
1.8. Xây dựng nông thôn mới; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	22
2. Văn hóa - xã hội.....	23
2.1. Về lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo	23
2.2. Giáo dục và đào tạo	23
2.3. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân.....	23
2.4. Văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông.....	24
2.5. Khoa học công nghệ.....	24
2.6. Chính sách dân tộc.....	25
3. Công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tư pháp.....	25
3.1. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở.....	25
3.2. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tiếp công dân, tiếp nhận đơn, thư:	26
3.3. Công tác tư pháp.....	26
4. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.....	27
5. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	27
5.1. Thực trạng phát triển đô thị:	27

5.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn	27
6. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	28
6.1. Giao thông	28
6.2. Thủy lợi	29
6.3. Cấp điện	29
6.4. Cấp nước	29
6.5. Bưu chính viễn thông	30
7. Về giáo dục - đào tạo, Y tế, văn hóa	30
7.1. Giáo dục đào tạo	30
7.2. Y tế	30
8. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội	30
8.1. Thuận lợi:	30
8.2. Khó khăn	31
8.3. Khả năng khai thác các lợi thế và khắc phục hạn chế phục vụ phát triển kinh tế xã hội.	32
Phần II	33
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	33
1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.	33
1.1. Đất nông nghiệp.....	35
1.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):	36
1.3. Đất chưa sử dụng (CSD):	39
2. Các dự án đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp đề nghị hủy bỏ:.....	39
3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện KHSD đất năm 2023.	40
4. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.	42
Phần III	43
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	43
1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.	43
1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực nông nghiệp.....	44
1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực phi nông nghiệp.....	44
2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	45
2.1. Đất nông nghiệp (NNP):	49
2.3. Đất chưa sử dụng (CSD):	67
3. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:	68
4. Diện tích đất cần thu hồi:	68
5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch 2024:.....	68
6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch: Gồm 127 danh mục công trình, dự án. ..	68
7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024:	69
7.2. Dự kiến các khoản thu:.....	70
7.3. Dự kiến các khoản chi:	72
Phần IV	75
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	75
1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:	75
1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất:.....	75
1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường.	75
2. Các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:	75
Phần V	77
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	77
I. KẾT LUẬN	77
II. KIẾN NGHỊ	77
ĐẶT VẤN ĐỀ	4

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024	
HUYỆN ĐẮK HÀ	4
1. Những căn cứ pháp lý	4
2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ.....	6
II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐẮK HÀ.....	7
III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7
IV. CÁC SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO	7
1. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện	7
2. Nội dung chính của báo cáo gồm.	7
Phần I.....	9
KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.....	9
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:.....	9
1. Vị trí địa lý:	9
2. Địa hình địa mạo:.....	10
3. Khí hậu:	10
4. Thủy văn:	12
5. Các nguồn tài nguyên	13
5.1. Tài nguyên đất:	13
5.2. Tài nguyên nước:	15
5.3. Tài nguyên rừng:	16
5.4. Tài nguyên khoáng sản:	16
5.5. Tài nguyên nhân văn:	17
6. Thực trạng môi trường:	17
6.1. Môi trường đất:	17
6.2. Môi trường nước:.....	17
6.3. Môi trường không khí:	17
II. KINH TẾ, XÃ HỘI:	18
1. Phát triển kinh tế.....	18
1.1. Tăng trưởng kinh tế.....	18
1.2. Nông, lâm thủy sản.....	18
1.3. Công nghiệp - Xây dựng.....	19
1.4. Thương mại - Dịch vụ.....	20
1.5. Thu, chi ngân sách.....	20
1.6. Đầu tư phát triển; Chương trình Mục tiêu quốc gia	20
1.7. Tình hình thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã	21
1.8. Xây dựng nông thôn mới; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu	22
2. Văn hóa - xã hội.....	23
2.1. Về lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo	23
2.2. Giáo dục và đào tạo	23
2.3. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân.....	23
2.4. Văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông.....	24
2.5. Khoa học công nghệ.....	24
2.6. Chính sách dân tộc.....	25
3. Công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tư pháp.....	25
3.1. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở.....	25
3.2. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tiếp công dân, tiếp nhận đơn, thư:	26
3.3. Công tác tư pháp.....	26
4. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.....	27
5. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn.....	27
5.1. Thực trạng phát triển đô thị:	27
5.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn	27
6. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	28
6.1. Giao thông.....	28

6.2 Thủy lợi.....	29
6.3 Cấp điện	29
6.4. Cấp nước	29
6.5 Bru chính viễn thông	30
7. Về giáo dục - đào tạo, Y tế, văn hóa	30
7.1. Giáo dục đào tạo	30
7.2. Y tế	30
8. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.....	30
8.1. Thuận lợi:.....	30
8.2. Khó khăn.....	31
8.3. Khả năng khai thác các lợi thế và khắc phục hạn chế phục vụ phát triển kinh tế xã hội.....	32
Phần II.....	33
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC	33
1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.	33
Kết quả thực hiện:.....	35
1.1. Đất nông nghiệp.....	35
1.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):.....	36
1.3. Đất chưa sử dụng (CSD):.....	39
2. Các dự án đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp đề nghị hủy bỏ:.....	39
3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện KHSD đất năm 2023.	40
4. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế Hoạch sử dụng đất năm 2023.	42
Phần III	43
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024.....	43
1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.	43
1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực nông nghiệp. .	44
1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực phi nông nghiệp.	44
.....	44
2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	45
2.1. Đất nông nghiệp (NNP):	49
2.3. Đất chưa sử dụng (CSD):.....	67
3. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:	68
4. Diện tích đất cần thu hồi:	68
5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch 2024:.....	68
6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch: Gồm 128 danh mục công trình, dự án. ..	68
7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024:.....	69
7.2. Dự kiến các khoản thu:.....	70
7.3. Dự kiến các khoản chi:.....	72
Phần IV	75
GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	75
1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:	75
1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất:.....	75
1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường.	75
2. Các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:	75
Phần V	77
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	77
I. KẾT LUẬN	77
II. KIẾN NGHỊ	77

ĐẶT VẤN ĐỀ

Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là một trong những nội dung quản lý Nhà nước về đất đai*" và tại Điều 45 Khoản 3 quy định "*Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm của cấp huyện*".

Luật đất đai năm 2013 quy định kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh và kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh là 5 năm. Tuy nhiên, đối với kế hoạch sử dụng đất cấp huyện, nhằm đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sử dụng đất, tại Khoản 2 Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 quy định "*Việc lập kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được tiến hành hàng năm nhằm đảm bảo tính khả thi*".

Xác định rõ tầm quan trọng, tính cấp thiết của việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm, được sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Đăk Hà tổ chức triển khai lập "***Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Hà***".

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà được UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 và dựa trên nhu cầu danh mục các dự án đăng ký quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Hà.

I. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐĂK HÀ.

1. Những căn cứ pháp lý

Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Nghị định 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành luật đất đai;

Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về lập các quy hoạch thời kỳ 2021-2030;

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Thông tư số 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/08/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh diện tích 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 43/2020/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của UBND tỉnh Về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 56/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 29/8/2022 của HĐND tỉnh Kon Tum về danh mục dự án đầu tư năm 2022 thuộc CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum

Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2022 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 98/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum; của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về danh mục các dự án thu hồi đất năm 2023 (bổ sung) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 25/4/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về việc về việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác để thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum (bổ sung);

Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 10/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 05/5/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Đăk Hà đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 10/8/2015 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định mức tỷ lệ (%) tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm và đơn giá thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 30/2018/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc sửa đổi, bổ sung Điều 9 của quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum ban hành kèm theo quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Kon Tum Ban hành bảng giá đất định kỳ 05 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Kon Tum Quy định về việc khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 26/4/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum đến năm 2025;

Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà;

Quyết định số 286/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum;

Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Đăk Hà;

Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 20/12/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà về việc thông qua Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Hà;

Các văn bản áp dụng trong Lập quy hoạch sử dụng đất của huyện Đăk Hà.

2. Những tài liệu, thông tin, tư liệu, bản đồ

- Các Nghị quyết, Báo cáo của Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND huyện Đăk Hà, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2025;

- Hồ sơ tài liệu kết quả kiểm kê đất đai năm 2019; thống kê đất đai năm 2022;

- Niên giám thống kê, số liệu thống kê huyện Đăk Hà năm 2022;

- Báo cáo tổng kết công tác Tài nguyên và Môi trường qua các năm 2011 đến năm 2022;

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 cấp huyện và cấp xã của huyện Đăk Hà;

- Quy hoạch các ngành, các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Kon Tum và trên địa bàn huyện Đăk Hà;

- Hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà;

- Hồ sơ Quy hoạch xây dựng nông thôn các xã của huyện Đăk Hà;

- Hồ sơ quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà;

- Nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, thị trấn;

- Các số liệu, tài liệu có liên quan khác có liên quan.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024 HUYỆN ĐẮK HÀ.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là biện pháp để thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước, tỉnh, huyện trên cơ sở tuân thủ chính sách pháp luật về đất đai và các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, của Tỉnh. Mặt khác theo quy định của Luật Đất đai, Nhà nước quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật. Do đó mục đích lập kế hoạch hàng năm sử dụng đất được thể hiện ở các nội dung:

- Đánh giá việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 nhằm làm rõ những mục tiêu đạt được và chưa đạt được, các tồn tại vướng mắc trong khi thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

- Cụ thể hoá các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cấp trên thực hiện trên địa bàn huyện.

- Bảo vệ đất trồng lúa nước để đảm bảo an ninh lương thực lâu dài.

- Góp phần quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất đai; làm cơ sở pháp lý để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Định hướng cho cấp xã trong công tác quản lý, sử dụng đất; lập các dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư phát triển các loại cây trồng, vật nuôi, ...

- Tạo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành của tỉnh và huyện trong quá trình quản lý, sử dụng đất phù hợp với kế hoạch sử dụng đất đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện tại và tương lai của các ngành trên địa bàn huyện có hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

- Góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế, chuẩn bị cơ sở hạ tầng, thu hút vốn đầu tư phát triển các khu du lịch sinh thái; hình thành các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá. Ổn định và phát triển các khu dân cư; nâng cao đời sống văn hoá, xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Chủ quản dự án: UBND huyện Đắk Hà.

- Chủ dự án: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đắk Hà.

- Cơ quan tư vấn thực hiện: Công ty cổ phần tư vấn và đầu tư xây dựng Phú Thành.

- Cơ quan phối hợp: Các Phòng, ban và UBND các xã, thị trấn, huyện Đắk Hà.

IV. CÁC SẢN PHẨM VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO

1. Sản phẩm Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện

- Báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Hà (*kèm theo bảng biểu tổng hợp theo quy định và các phụ biểu*).

- Bản đồ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Hà, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà, tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ và báo cáo chuyên đề.

2. Nội dung chính của báo cáo gồm.

- Phần mở đầu: Đặt vấn đề.

- Phần I: Khái quát về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- Phần II: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.
- Phần III: Lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024.
- Phần IV: Giải pháp tổ chức, thực hiện
- Phần V: Kết luận và kiến nghị.

Phần I.

KHAI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI.

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

1. Vị trí địa lý:

Huyện Đăk Hà nằm về phía Bắc tỉnh Kon Tum, cách trung tâm thành phố Kon Tum 20 km theo Quốc lộ 14; có tổng diện tích tự nhiên 84.503,78 ha, với 11 đơn vị hành chính gồm: thị trấn Đăk Hà, xã Đăk La, xã Hà Mòn, xã Đăk Mar, xã Đăk Hring, xã Đăk Ui, xã Ngọc Wang, xã Ngọc Réo, xã Đăk Ngọc, xã Đăk Long và xã Đăk Pxi.

Toạ độ địa lý:

- 14°38'55" đến 14°49'55" vĩ độ Bắc.

- 107°51'05" đến 107°06'30" kinh độ Đông.

Tiếp giáp với các đơn vị hành chính sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Tu Mơ Rông.

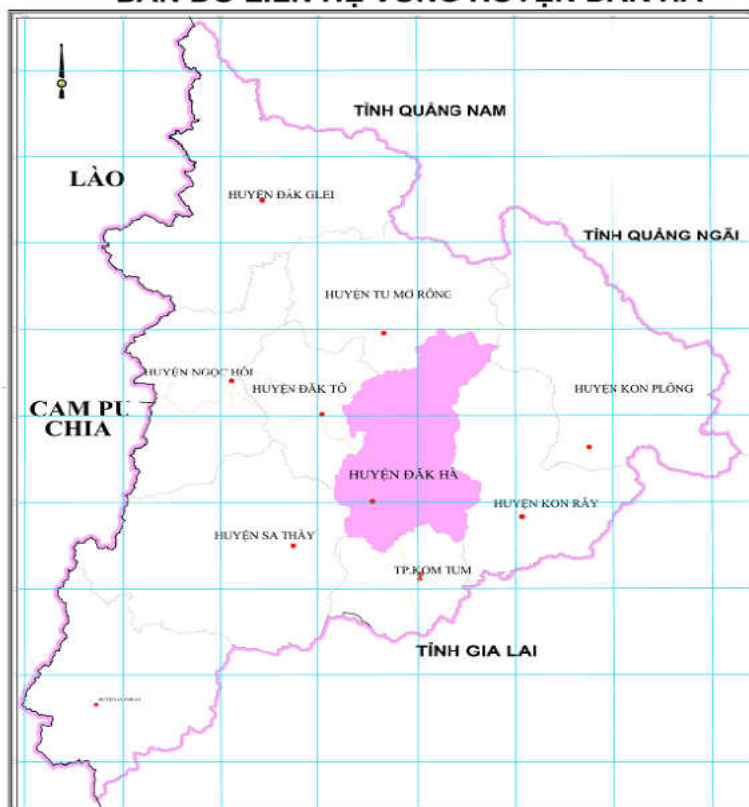
+ Phía Nam giáp TP. Kon Tum.

+ Phía Đông giáp huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy.

+ Phía Tây giáp huyện Đăk Tô và huyện Sa Thầy.

Đăk Hà có tuyến Quốc lộ 14 (*đường Hồ Chí Minh*) chạy qua địa bàn 4 xã (*Đăk Hring, Đăk Mar, Hà Mòn, Đăk La*) và thị trấn Đăk Hà, đây là tuyến giao thông huyết mạch nối các tỉnh Tây Nguyên và các tỉnh duyên hải Miền Trung. Vì vậy huyện Đăk Hà có vị trí rất quan trọng và thuận lợi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, giao lưu thương mại với các khu vực khác trong tỉnh, vùng Tây Nguyên, Miền Trung và đặc biệt là khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y.

BẢN ĐỒ LIÊN HỆ VÙNG HUYỆN ĐĂK HÀ



2. Địa hình địa mạo:

Nằm trong khu vực có địa hình đồi núi trung bình và khu vực thấp trũng của tỉnh Kon Tum. Nhìn chung địa hình của huyện cao ở phía Tây - Tây Nam. Địa hình chia cắt phức tạp với nhiều đỉnh núi cao từ 580m - 1540m rồi thoải nghiêng dần về phía Tây - Nam với những vùng khá bằng phẳng, chia cắt nhẹ, có dạng lượn sóng. Độ dốc các sườn núi từ 15° đến 25° . Địa hình của huyện được chia thành 3 dạng chính:

- *Dạng địa hình núi cao:* Phân bố phía Bắc và Đông Bắc huyện, diện tích khoảng 54.260 ha, chiếm 64,3% tổng diện tích tự nhiên, là vùng đầu nguồn sông Đăk Pô Kô với các dãy núi chạy theo hướng Bắc Nam cao ở đỉnh rồi thoải về phía Tây nam. Độ cao trung bình từ 750 - 1540m so với mực nước biển, độ dốc trung bình $> 25^{\circ}$. Ở phía Đông thuộc xã Đăk Pxi có các đỉnh núi cao như: Ngọc Luh (1.508m), Ngọc Đroa (1.127m), Ngọc Mo (1.250m); phía Tây có các đỉnh núi Ngọc Đơ (1.053m), Ngọc Siê (1.542m). Phía Đông xã Đăk Ui có các dãy núi Nor Kon Rol (1.309m), Ngọc Tiu (1.250m), Nor Tia (1.361m), Ngọc Dhon (1.115m); Phía Nam có ngọn núi Ngọc Kon Réo (1.105m). Xã Ngọc Réo có các con núi cao như Kon Broi (850m), núi Cu Brê Mông (1.250m). Trên dạng địa hình này chủ yếu là diện tích rừng tự nhiên và rừng phòng hộ.

- *Dạng địa hình đồi trung bình:* Diện tích khoảng 18.300 ha, chiếm 21,7% tổng diện tích tự nhiên, có độ cao trung bình từ 500 - 650m so với mực nước biển, phân bố phía Nam và Tây Nam huyện, bao gồm các dãy đồi núi thấp tiếp giáp giữa vùng núi cao và vùng thấp trũng, phân bố chủ yếu ở khu vực trung tâm huyện, dọc 2 bên quốc lộ 14, địa hình có dạng lượn sóng chia cắt nhẹ. Việc phát triển sản xuất và đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình dân sinh của huyện đều tập trung trên dạng địa hình này. Phần còn lại là diện tích rừng tự nhiên nằm tiếp giáp với khu vực đồi núi cao.

- *Dạng địa hình bằng trũng:* Phân bố dọc sông Đăk Pô Kô và các khe suối, diện tích khoảng 11.800 ha chiếm khoảng 14% diện tích tự nhiên, đây là dạng địa hình được bồi tụ ở hạ lưu sông suối nên khá bằng phẳng, tạo thành các dải đồng bằng hẹp dọc hai bên suối. Thảm thực vật chủ yếu là cây cà phê, cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày.

3. Khí hậu:

Huyện có khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng cao nguyên. Một năm có 2 mùa: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

- **Chế độ mưa:** Trung bình năm 1.750 - 1.850mm, khu vực phía Bắc huyện do chịu ảnh hưởng của khí hậu núi cao trung bình Tây Ngọc Linh lượng mưa lớn hơn phổ biến từ 1.800 - 1.850mm, khu vực phía Tây Nam huyện chịu ảnh hưởng của khí hậu vùng trũng Kon Tum, lượng mưa phổ biến từ 1.750 - 1.800mm. Chế độ mưa được chia thành hai mùa:

+ Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 kết thúc vào tháng 10, chiếm tới 80% - 90% tổng lượng mưa cả năm. Mưa nhiều thường xuất hiện từ tháng 6 đến tháng 9, lượng mưa bình quân tháng đạt khoảng 350 mm.

+ Mùa khô thường bắt đầu từ tháng 11 và kết thúc vào tháng 4 năm sau. Mùa khô mưa ít, lượng mưa chiếm khoảng 10% lượng mưa cả năm. Tháng có

lượng mưa ít từ tháng 12 đến tháng 2 năm sau, lượng mưa trung bình phổ biến khoảng 5,1mm, tháng 1 hầu như không có mưa.

- **Nhiệt độ:** Trung bình năm 23,4°C, nhiệt độ trung bình nóng nhất là tháng 3 và tháng 4 (24,5 - 25,5°C), nhiệt độ trung bình tháng lạnh nhất là tháng 12 và tháng 1 (18 - 20°C), đây là tiểu vùng khí hậu nóng nhất trong tỉnh. Do đặc điểm của địa hình ở khu vực phía Bắc huyện nhiệt độ thấp hơn.

- **Chế độ ẩm:** Chế độ ẩm phụ thuộc vào chế độ mưa và theo khu vực. Thời kỳ hình thành gió mùa Tây Nam (tháng 5 đến tháng 10) là thời kỳ có độ ẩm cao (từ 85% - 95%), thời kỳ hình thành gió mùa Đông Bắc (từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau) là thời kỳ khô hạn, độ ẩm thấp (70%). Độ ẩm trung bình năm 80% trong đó các vùng núi cao như vùng phía Đông bắc huyện có độ ẩm cao 95%. Các vùng bình nguyên, vùng trũng thấp độ ẩm 75- 80%. Tháng có độ ẩm thấp nhất 70% (tháng 3), tháng có độ ẩm cao nhất 95% (tháng 8).

- **Lượng bốc hơi:** Cũng mang đặc thù của vùng Tây Nguyên, khu vực huyện Đăk Hà có lượng bốc hơi khá lớn, trung bình trên 1232,9 mm.

- **Chế độ gió:** Chế độ gió phụ thuộc theo mùa với hai hướng chính là Đông Bắc và Tây Nam, tốc độ gió trung bình 5,2m/s. Khu vực huyện không có bão.

+ Gió Đông Bắc xuất hiện vào các tháng mùa mưa, bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, tốc độ gió từ 3,0 - 5,5 m/s, riêng khu vực phía Bắc huyện do địa hình cao nên tốc độ gió có thể đạt từ 4,5 - 5,5 m/s.

+ Gió Tây và Tây Nam xuất hiện trong các tháng mùa khô từ tháng 5 đến tháng 10, tốc độ gió đạt từ 2,5 - 3,5m/s.

Nhìn chung điều kiện thời tiết khí hậu khá thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, tuy nhiên có yếu tố không thuận lợi là lượng mưa trong năm phân bố không đều, vào các tháng mùa mưa lượng nước tập trung lớn, gây xói mòn mạnh ở những vùng đất dốc và ngập úng những vùng thấp trũng. Mùa khô quá dài cùng với cường độ khô bình quân cao cho nên làm cây trồng thiếu nước trầm trọng. Độ ẩm không khí thấp. Đây là vấn đề đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, đặc biệt chú trọng tăng cường diện tích rừng, vườn rừng, đai rừng, cây che bóng, cây xanh trong huyện, nâng cao tỷ lệ che phủ, kéo dài thời gian giữ nước, giữ ẩm trong mùa khô, giảm thiểu tình trạng khô kiệt, xây dựng và cải tạo nâng cấp hệ thống các hồ đập để đảm bảo sự phát triển một cách bền vững.

*** Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tác động đến việc sử dụng đất**

Trong những năm qua ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng rất lớn đến đời sống và sản xuất của nhân dân. Khí hậu trái đất nóng lên đã làm cho thời tiết, khí hậu không còn diễn biến theo quy luật có thể dự báo trước mà luôn diễn ra bất thường không thể lường trước để đối phó được với các hiện tượng khí hậu cực đoan như: bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn gây lũ lụt, nắng nóng gây hạn hán, rét đậm...

- Biến đổi khí hậu làm gia tăng tần suất và cường độ thiên tai như bão, lũ, hạn hán, mưa lớn, nắng nóng... và có thể trở thành thảm họa, gây rủi ro lớn cho phát triển kinh tế, xã hội hoặc xóa đi những thành quả nhiều năm của sự phát triển. Sự gia tăng của các hiện tượng khí hậu cực đoan và thiên tai, cả về tần số, cường độ và độ bất thường do BĐKH là mối đe dọa thường xuyên, trước mắt và lâu dài đối với tất cả các lĩnh vực, các vùng và các cộng đồng.

- Biến đổi khí hậu có thể dẫn đến 5 nguy cơ lớn: Giảm năng suất nông nghiệp; gia tăng tình trạng thiếu nước; thời tiết cực đoan gia tăng; các hệ sinh thái tan vỡ và bệnh tật gia tăng.

- Năm 2015, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên được đánh giá là năm có số ngày nắng nóng trên 39⁰ C nhiều nhất trong gần 50 năm qua đã gây ra hạn hán ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống nhân dân trong huyện: thiếu nước sản xuất, sinh hoạt nên.

- Ảnh hưởng về sa mạc hoá, xói mòn, sạt lở đất:

+ Nguy cơ sa mạc hóa: biến đổi khí hậu đã gây ra nắng nóng các năm 2014, 2015; đặc biệt là hạn hán năm 2015 đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp huyện; làm cho cây trồng bị hạn hán mất mùa, đất sản xuất nông nghiệp nhiều xã do thiếu nước tưới phải bỏ hoang, nắng nóng gây nguy cơ cháy rừng,... Lượng mưa thấp làm cho các hồ chứa nước thủy lợi không đạt công suất thiết kế, hiệu quả tưới các công trình thủy lợi đạt thấp; các hồ Đăk Ui, sông Pô Cô, sông Đăk Pxi, Suối Đăk Uy không đủ nước nên hiệu quả tưới tiêu không cao.

+ Gây xói mòn đất: Mấy năm qua mùa mưa thường ngắn, lượng mưa không lớn nên mặc dù có gây ngập, lụt một số nơi nhưng ở mức độ thấp; chưa gây sạt lở đất. Tuy vậy, do huyện có trên 10.000 ha đất canh tác nương rẫy (trồng sắn, ngô, ...) trên đất dốc 20-25 độ, đất có thành phần cơ giới nhẹ nên hiện tượng xói mòn, rửa trôi đất tầng mặt xảy ra là tất yếu. Vì vậy để canh tác bền vững và bảo vệ tài nguyên đất chống lại biến đổi khí hậu thì cần chuyển các vùng đất canh tác nương rẫy sang trồng cây lâu năm hoặc trồng rừng.

+ Sạt lở đất: Trong vài năm trở lại đây, dòng sông Đăk Pxi đã lấn vào diện tích đất sản xuất của người dân. Hàng năm, các loại hoa màu trồng gần bờ sông đều bị nước cuốn trôi, gây thiệt hại về kinh tế.

- Để việc sử dụng đất có hiệu quả, bền vững, không bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu sau này thì chúng ta phải có chiến lược đầu tư thích hợp. Cụ thể:

+ Do sự gia tăng của nền nhiệt độ, trong sản xuất nông nghiệp cần xem xét cơ cấu cây trồng, mùa vụ cho thích hợp với nền nhiệt độ ẩm áp dân.

+ Bảo vệ tài nguyên rừng hiện có và đẩy mạnh công tác trồng mới và khoanh nuôi phục hồi rừng tự nhiên để tăng độ che phủ, cải tạo khí hậu, điều tiết dòng chảy mùa mưa để hạn chế ngập lụt.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước các đô thị mới và cải tạo các đô thị cũ để thoát nước nhanh, hạn chế ngập lụt trong mùa mưa lũ.

+ Xây dựng các hồ chứa nước và xây dựng kế hoạch xả lũ các nhà máy thủy điện, hồ thủy lợi cho sát với tình hình thực tế của từng năm để tránh lũ chồng lũ.

+ Chú trọng xây dựng kè chống sạt lở ven sông để tránh thiệt hại về đất ở, đất sản xuất khi mùa mưa đến.

4. Thủy văn:

Đặc điểm của hệ thống sông suối trên địa bàn huyện là hình thành ở những khu vực có địa hình cao, dốc nên sông suối thường hẹp và biến đổi mạnh mẽ theo thời gian. Hàng năm có hai mùa dòng chảy: mùa lũ và mùa kiệt. Mùa lũ thường đến muộn hơn mùa mưa 2 tháng, lũ thường bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, với lượng dòng chảy trong mùa lũ chiếm trên dưới 70% lượng dòng chảy năm.

Mùa kiệt kéo dài 7 tháng từ tháng 12 năm trước đến tháng 6 năm sau. Lượng dòng chảy mùa kiệt chỉ chiếm khoảng 30% lượng dòng chảy năm, các tháng 2, 3 và tháng 4 là thời điểm kiệt nhất.

Hệ thống sông suối trên địa bàn huyện khá phong phú, phần lớn là sông suối đầu nguồn. Với những sông suối chính như sau:

- Sông Pô Kô: Là sông chính của tỉnh Kon Tum. Bắt nguồn từ vùng núi Ngọc Linh - Đăk Glei, chảy về phía Nam nhập với sông Đăk Bla hợp thành sông Sê San đổ về sông Mê Kông, đoạn chảy qua ranh giới phía tây của huyện dài 14 km. Sông có nước quanh năm nhưng có bờ dốc, trên sông có nhiều ghènh thác nên việc khai thác nước tưới cũng như giao thông đường thủy không thuận lợi.

- Sông Đăk Pxi: Bắt nguồn từ phía Nam dãy Ngọc Linh chảy về hướng Tây Nam nhập vào sông Pô Kô, đoạn chảy qua huyện dài 40 km, sông có nước quanh năm nhưng do bờ suối cao, dốc nên khó khăn trong việc khai thác nguồn nước mặt để sản xuất nông nghiệp.

- Suối Đăk Ui: Bắt nguồn từ dãy Ngọc Biang và Ngọc Kon Reo ở trung tâm huyện chảy về phía tây và đổ vào sông Pô Kô. Là suối lớn có nước quanh năm, bờ suối ít dốc có nhiều vị trí thuận lợi để xây dựng đập dâng phục vụ sản xuất.

- Các nhánh suối khác: Suối Đăk La, Đăk Kam, Đăk Hring với tổng chiều dài chảy trên địa bàn huyện khoảng 700 km.

5. Các nguồn tài nguyên

5.1. Tài nguyên đất:

Theo bản đồ đất tỉ lệ 1/100.000 của Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp xây dựng năm 1978, có rà soát bổ sung và biên tập lại năm 2005, trên địa bàn huyện Đăk Hà có 5 nhóm đất chính:

Biểu 1: Thống kê loại đất theo độ dốc, tầng dày

Ký hiệu đất	Độ dốc	Tầng dày					Tổng số
		1	2	3	4	5	
D		182,52					182,52
Tổng D		182,52					182,52
Fa	I	38,71					38,71
	II	358,77	216,16				574,93
	III	475,81	361,46				837,27
	IV	907,53		218,65	190,48		1.316,66
	V		510,74			25,68	536,42
	VI					990,23	990,23
Tổng Fa		1.780,83	1.088,36	218,65	190,48	1.015,91	4.294,23
Fp	I	2.464,54					2.464,54
	II	2.594,11					2.594,11
	III	4.093,00	61,80				4.154,80
	IV	801,94					801,94
Tổng Fp		9.953,59	61,80				10.015,39
Fq	II	122,21					122,21
	III	335,19					335,19
Tổng Fq		457,40					457,40

Ký hiệu đất	Độ dốc	Tầng dày					Tổng số
		1	2	3	4	5	
Fs	I	1.614,03					1.614,03
	II	3.606,64					3.606,64
	III	3.183,97	547,56				3.731,54
	IV	3.849,87	1.246,60	428,64	278,16		5.803,27
	V	3.601,17	3.232,94	329,02			7.163,12
	IV	4.966,79	20.386,57				25.353,36
Tổng Fs		20.822,47	25.413,67	757,65	278,16		47.271,96
Ha	VI	281,64					281,64
Tổng Ha		281,64					281,64
Hs	V	1.537,10					1.537,10
	VI	19.003,63					19.003,63
Tổng Hs		20.540,73					20.540,73
Py		910,12					910,12
Tổng Py		910,12					910,12
Xa	I	60,81					60,81
Tổng Xa		60,81					60,81
Ho		557,62					557,62
Tổng Ho		557,62					557,62
Tổng cộng		55.547,73	26.563,84	976,30	468,64	1.015,91	84.572,42

(1).Nhóm đất thung lũng dốc tụ (D)

Diện tích 182,52 ha, phân bố rải rác ven hợp thủy, suối, đất có tầng dày, địa hình khá bằng, thành phần cơ giới thịt nặng, đã được khai thác trồng lúa nước.

(2). **Nhóm đất đỏ vàng:** Đây là nhóm đất chính của huyện, diện tích 62.038,98 ha, chiếm 73,36% tổng diện tích tự nhiên. Được hình thành trên đá mẹ bazan và phiến sét, thích hợp cho trồng cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, điều, cây ăn quả, dâu tằm và hoa màu. Tuy vậy khả năng sử dụng của đất phụ thuộc rất nhiều vào độ dày tầng đất hữu hiệu. Nhóm đất này trên địa bàn huyện gồm loại đất:

- Đất vàng đỏ trên đá macma axit (Fa): Diện tích ít nhất trong nhóm đất đỏ vàng 4.294,23 ha, chiếm 6,97%. Đất có thành phần cơ giới cát pha đến thịt nhẹ phần nhiều là cát và thạch anh (>85% cát), kết cấu viên cục nhỏ, tỷ lệ hữu cơ trong đất thấp đến trung bình 0,5 - 1,5%, đạm tổng số 0,05 - 0,1%, Lân trong đất rất nghèo 0,01 - 0,05%, Kali tổng số ở mức nghèo đến trung bình 2 - 2,5%. Diện tích đất đỏ vàng ít, nhưng chất lượng đất kém.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp): Diện tích 10.015 ha, chiếm 16,14% diện tích nhóm đất đỏ vàng và chiếm 11,84% diện tích tự nhiên. Đất có thành phần cơ giới nhẹ, độ phì trung bình, nghèo lân và chua. Tầng dày >100 cm, phân bố ở địa hình đồi lượn sóng, độ dốc 8 - 15⁰, thích hợp với cây công nghiệp hàng năm, lâu năm và cây ăn quả.

- Đất vàng nhạt trên đá cát (Fq): Diện tích 457,40 ha, chiếm 0,74% diện tích nhóm đất đỏ vàng. Loại đất này có thành phần cơ giới nhẹ, độ dày tầng đất từ 30-50cm, pH_{kcl} = 4,0-4,8, nghèo mùn và các dinh dưỡng dễ tiêu, song hàm lượng kali khá, hàm lượng nhôm di động và độ no bazơ thấp.

- Đất đỏ vàng hình thành trên đá phiến sét (Fs): Diện tích 47.271,96 ha chiếm 76,20% diện tích nhóm đất đỏ vàng và chiếm 55,90% diện tích đất tự nhiên của huyện. Loại đất này có thành phần cơ giới trung bình đến nặng, cấu tượng tầng cục sắc cạnh, cấu tượng chặt. Cấp hạt sét chiếm đến 45-55% và lên đến 60% ở các tầng tích tụ. Đất thường chua, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp. Mùn, đạm trung bình, nghèo lân và nghèo kali (pH_{H_2O} : 4,5 - 5,0, pH_{KCl} : 4,0-4,5. P_s khoảng 30-40%. Mùn 1,2-1,5%; N: 0,10-0,15%; P_2O_5 : 0,05-0,06%. K_2O : 0,1-0,5%).

(3). Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi (H): Có diện tích 20.822,37 ha, chiếm 24,62% tổng diện tích tự nhiên, phân bố ở phía Đông của huyện. Nhóm đất này gồm có 2 đơn vị phân loại đất:

- Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit (Ha): Diện tích 281,64 ha, chiếm 1,35% diện tích của nhóm.

- Đất mùn vàng đỏ trên đá sét và biến chất (Hs): Diện tích 20.540,73 ha, chiếm 98,65% diện tích của nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi.

Nhóm đất này phân bố hầu hết trên địa hình cao trên 1000 m, nên không có khả năng khai thác vào mục đích nông nghiệp, mà chủ yếu phục vụ cho lâm nghiệp.

(4). Nhóm đất Phù sa (P): Có 1 đơn vị phân loại là đất phù sa ngòi suối (Py) diện tích 910,12 ha, chiếm 1,08% diện tích tự nhiên. Đất có đặc trưng màu nâu xám, tầng đất dày trên 100 cm, thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến trung bình, đất có phản ứng chua $pH_{KCl} = 4 - 4,5$, lượng hữu cơ tầng mặt: 1-3%, đạm tổng số: 0,1- 0,25%, nghèo lân: 0,02 - 0,025%. Diện tích đất này được khai thác đưa vào trồng lúa nước và hoa màu.

(5). Nhóm đất Xám (X): Có 1 đơn vị là đất xám phát triển trên đá Macma axit và đá cát (Xa); diện tích 60,81 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên.

5.2. Tài nguyên nước:

a. Nguồn nước mặt

Với lượng mưa trung bình hàng năm 1.750 - 1.850 mm và nằm trong hệ thống sông suối khá đa dạng (*trong đó có sông Pô Cô lớn*) nên nguồn nước mặt lớn. Nhưng 80% lượng nước mặt tập trung vào các tháng mùa mưa, do hệ thống sông suối trên địa bàn huyện đều bắt nguồn từ những dãy núi cao, chảy qua những khu vực có địa hình phức tạp nên sông suối thường quanh co và nhiều ghềnh thác, sườn dốc đứng do đó khả năng giữ nước hạn chế. Nguồn nước mặt dồi dào về mùa mưa, nhưng về mùa khô lại bị cạn kiệt, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt. Ngoài ra trên địa bàn huyện còn có 54 hồ chứa nước lớn nhỏ (*kể cả đập bồi, đập tạm*). Trong đó các hồ có năng lực tưới tương đối lớn: hồ Đắk Ui: 290,0 ha, hồ Đắk Lok: 40,0 ha, hồ Kon Klóc: 32,0 ha... cơ bản đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và sinh hoạt trong mùa khô.

b. Nguồn nước ngầm

- Theo tài liệu đánh giá của Liên đoàn địa chất thủy văn Miền Nam. Cấu trúc địa chất thủy văn của khu vực gồm các đơn vị chứa nước sau đây:

- Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIV): Phức hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Holocen (QIV) gồm những thành phần tạo bởi nguồn gốc sông suối. Mực nước tĩnh nằm ở độ sâu thường gặp 1,5-3,0m. PH từ 6,5-7,5, thuộc

loại nước trung tính. Nước ở hệ chứa nước này có bề dày không lớn, phân bố trong phạm vi hẹp.

- Phục hệ chứa nước lỗ hổng trầm tích Plâystocen (Q II-III): phân bố dọc thung lũng sông Pô Kô. Bề dày thay đổi từ 3 đến 19m, thường gặp 10-15m. Mực nước thay đổi từ 4,0 đến 15,5m, thường gặp từ 8,0 đến 10m, lưu lượng các giếng đào từ 0,1 đến 0,2 l/s, đủ cung cấp nước sinh hoạt gia đình.

- Phục hệ chứa nước khe nứt trầm tích Neogen (N2kt): Bề dày trầm tích thay đổi từ 5m đến 21,5m. Mực nước thay đổi từ 0,4 đến 11,0m, thường gặp từ 4,0m đến 7,0m. Lưu lượng giếng thay đổi từ 0,1 đến 0,3 l/s, một số giếng bị cạn vào mùa khô. Mực nước biến đổi theo mùa, giao động giữa mùa mưa và mùa khô khoảng 0,5 đến 1,0m. Nhìn chung nước có chất lượng tốt.

- Nước trầm tích trong biến chất Paleozoi (PZ): Bề dày lớn khoảng 600m-850m. Đá cấu tạo khối, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém. Tuy nhiên, do hoạt động kiến tạo đá một số nơi bị nứt nẻ phá huỷ có khả năng chứa nước tốt, tạo nên các khu vực có triển vọng chứa nước. Lưu lượng từ 0,1 đến 4,5l/s, PH từ 6,6 đến 7 thuộc nước trung tính.

- Đới chứa nước trong và phong hoá Granit: Các khối đá magma xâm nhập phân bố dọc sông Pô Kô và rải rác trên địa bàn toàn huyện. Chúng tạo nên những khối và dãy núi, ít nứt nẻ, khả năng chứa nước kém, hoặc không chứa nước.

5.3. Tài nguyên rừng:

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2018 cho thấy diện tích đất lâm nghiệp có rừng trên địa bàn huyện là 38.292,29 ha, chiếm 45% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó đất rừng sản xuất: 21.753,00ha; phân bố nhiều ở khu vực phía Đông, phía Bắc của huyện thuộc các xã Ngọc Réo, Đăk Ui, Đăk Pxi, Đăk Hring. Rừng phòng hộ: 15.996,19ha; tập trung nhiều ở khu vực đồi núi cao giáp huyện Tu Mơ Rông, huyện Kon Plông và huyện Kon Rẫy; thuộc địa bàn xã Đăk Pxi, Đăk Hring, Đăk Ui, Đăk Mar và Ngọc Réo. Đất rừng đặc dụng: 543,10 ha, thuộc địa bàn xã Đăk Mar. Rừng của Đăk Hà có nhiều loại gỗ quý. Động vật rừng phong phú và đa dạng, đây là nơi chứa nhiều nguồn gen động thực vật quý có giá trị và ý nghĩa rất lớn cho công tác nghiên cứu khoa học.

5.4. Tài nguyên khoáng sản:

Theo số liệu điều tra sơ bộ trên địa bàn huyện tài nguyên khoáng sản khá phong phú như quặng sắt, mang gan, vàng sa khoáng (Đăk La, Hà Mòn, Đăk Hring, Đăk Ui) chưa có tài liệu xác định chính xác phân bố và trữ lượng. Khoáng sản điển hình là mỏ đá Đôlômít (thuộc đá cacbônát) tại Kontu, Đăk Ui, có khả năng sử dụng trong luyện kim đen, sản xuất vật liệu chịu lửa. Mỏ có trữ lượng đạt 9.372 tấn, cấp C4 đạt 441 ngàn tấn, cấp C2 đạt 4.003 ngàn tấn.

- Mỏ sét: Tập trung ở xã Đăk La, Hà Mòn, diện tích khoảng 200 ha có thể khai thác sản xuất gạch ngói trong phạm vi quy mô nhỏ.

- Mỏ đá Granít, mỏ đá ốp lát Gabrôpirooxen: Tập trung ở xã Đăk Ui, có thể khai thác phục vụ các công trình xây dựng.

- Cát, sỏi: Phân bố tập trung dọc theo sông Pô Kô, hàng năm có thể khai thác 4.000 - 5.000 m³, phục vụ nhu cầu xây dựng trên địa bàn huyện.

5.5. Tài nguyên nhân văn:

Trên địa bàn huyện có hơn 24 dân tộc anh em sinh sống, với dân số 62.226 người trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 48,41% dân số toàn huyện (*đồng nhất là người Xê Đăng, Ba Na, còn lại là các dân tộc ít người khác như Giê Triêng, Gia Rai...*). Nhưng phải kể đến cộng đồng dân cư người Kinh chiếm tỷ lệ rất lớn trong cơ cấu dân số huyện. Đặc biệt sau ngày giải phóng đến nay, một số dân tộc thiểu số đến sinh sống trên địa bàn huyện từ các tỉnh khác cũng mang theo nét phong tục tập quán và văn hoá truyền thống đặc trưng, có trình độ tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất để hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất đời sống, hình thành cộng đồng các dân tộc anh em cùng chung sống và xây dựng huyện.

6. Thực trạng môi trường:

6.1. Môi trường đất:

Việc lạm dụng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp cộng với quy trình sử dụng chưa đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, việc bảo quản, quản lý cũng như xử lý thuốc, bao bì còn tùy tiện đã có ảnh hưởng không nhỏ tới môi trường đất. Đây là vấn đề cần được quan tâm đúng mức nhằm thúc đẩy quá trình cải tạo đất và cải thiện môi trường đất trong tương lai.

6.2. Môi trường nước:

- **Nước mặt:** Môi trường nước trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kể, chủ yếu là do canh tác không hợp lý trên các vùng đất dốc trong lưu vực các sông, với quy mô lớn. Phần lớn các sông đều có hiện tượng tăng lưu tốc và lưu lượng dòng chảy, nước đục, tỷ lệ cát phù sa bồi lắng cao.

- **Nước dưới đất:** Mặc dù có những thay đổi đáng kể, nhưng trong những năm gần đây nguồn nước dưới đất vẫn bị ô nhiễm nhẹ. Nguyên nhân do nước thải sinh hoạt ở các khu dân cư, các công trình vệ sinh phần lớn là tự chảy, tự thấm, nước thấm từ các bãi rác không được qua xử lý gây ô nhiễm mạch nước ngầm ở tầng nông. Nhìn chung chất lượng môi trường nước dưới đất của huyện còn khá tốt, đáp ứng được yêu cầu cấp nước sinh hoạt và các mục đích khác.

6.3. Môi trường không khí:

Cũng như nhiều vùng nông thôn miền núi khác, ô nhiễm môi trường không khí do khí thải của Đák Hà xuất hiện do những hoạt động kinh tế như hoạt động giao thông vận tải, hoạt động sản xuất và xây dựng.

Đối với hoạt động giao thông vận tải gây ô nhiễm bụi và một số ít khí thải sản sinh do các phương tiện giao thông (xe máy, xe cơ giới) tham gia giao thông trên các trục đường, đặc biệt là những nơi có mật độ giao thông đông đúc, những đầu mối giao thông, nơi có các trục đường chính giao nhau.

Đối với các đơn vị khai thác chế biến đá làm vật liệu xây dựng, nổ mìn khai thác mỏ với các hoạt động vận chuyển đất đá đã phần nào làm ô nhiễm môi trường khu vực.

Đối với tiếng ồn: Với tốc độ đô thị hóa ngày càng cao, sự phát triển của các cơ sở dịch vụ, thương mại và sản xuất kinh doanh ngày càng nhiều là nguyên nhân gây ra ô nhiễm tiếng ồn, trong đó, sự gia tăng của phương tiện giao thông vận tải là nguyên nhân chính.

II. KINH TẾ, XÃ HỘI:

Theo báo cáo tình hình thực hiện kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024 về kinh tế xã hội cụ thể như sau:

1. Phát triển kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất thực hiện 10 tháng đầu năm 2023 (*theo giá so sánh năm 2010*) là 4.259 tỷ đồng, đạt 70,58 % so với kế hoạch; theo giá hiện hành thực hiện là 4.935 tỷ đồng, đạt 71,21% so với kế hoạch. Ước thực hiện năm 2023 tổng giá trị sản xuất (*theo giá so sánh năm 2010*) là 6.067,56 tỷ đồng, đạt 100,54 % so với kế hoạch; theo giá hiện hành thực hiện là 6.957 tỷ đồng, đạt 100,39% so với kế hoạch.

- Cơ cấu giá trị sản xuất ước thực hiện năm 2023 chuyển dịch theo hướng tích cực. Trong đó: ngành nông - lâm - thủy sản đạt 37,37%; ngành công nghiệp - xây dựng đạt 34,24%; ngành thương mại - dịch vụ đạt 28,39%.

1.2. Nông, lâm thủy sản

a). Nông, Lâm nghiệp và thủy sản:

- Sản xuất nông nghiệp mặc dù gặp khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của diễn biến thời tiết nhưng vẫn có bước phát triển đạt kết quả. Tính đến ngày 31/10/2023, tổng diện tích gieo trồng là 31.958,3 ha, đạt 100,24% so với kế hoạch, ước thực hiện năm 2023 là 32.199,66 ha, đạt 101% so với kế hoạch. Tình hình dịch bệnh trên cây trồng trong 10 tháng đầu năm có xảy ra nhưng với tỷ lệ thấp, gây hại nhẹ, rải rác ít ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng cây trồng. Cơ quan chuyên môn của huyện đã duy trì tốt công tác điều tra dự báo tình hình sâu bệnh và đã có các biện pháp cụ thể gửi đến các xã, thị trấn để hướng dẫn cho nhân dân.

- Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng được quan tâm của các cấp chính quyền và đồng thuận của Nhân dân. Thực hiện chuyển đổi cây hàng năm kém hiệu quả sang cây trồng lâu năm, phát triển cây ăn quả, cây mắc ca, cây dược liệu. Thực hiện tái canh cà phê với những diện tích cà phê già cỗi, diện tích cho năng suất sản lượng thấp sang trồng giống cà phê mới cho năng suất chất lượng cao, đến nay, diện tích tái canh là 85 ha.

- Triển khai kế hoạch trồng mía năm 2023, UBND huyện đã giao chỉ tiêu diện tích trồng mía niên vụ 2023 - 2024 đến các xã để thực hiện. Hiện các địa phương tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân chuyển đổi diện tích cây trồng kém hiệu quả sang trồng mía.

- Tập trung phát triển nông nghiệp đi vào chiều sâu theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trong đó lựa chọn một số sản phẩm chủ lực của địa phương để tập trung đầu tư, hình thành sản phẩm đặc trưng của huyện, gắn với việc thực hiện Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (*OCOP*). Đến nay đã có 7/11 xã, thị trấn có sản phẩm đạt 3 sao trở lên; toàn huyện có 19 sản phẩm được UBND tỉnh đánh giá, phân hạng và cấp giấy chứng nhận (*Trong đó có 6 sản phẩm đạt 4 sao, có 12 sản phẩm đạt 3 sao*); Có 01 sản phẩm đạt 5 sao cấp quốc gia.

b. Chăn nuôi, thủy sản:

- Chăn nuôi đang có xu hướng chuyển dần từ quy mô nhỏ lẻ hộ gia đình sang hình thức tập trung, liên kết và ứng dụng công nghệ cao. Hiện nay trên địa bàn có 02 trang trại quy mô lớn (01 trang trại chăn nuôi lợn, 01 trang trại chăn nuôi gia cầm), 03 trang trại chăn nuôi lợn quy mô vừa, 03 trang trại chăn nuôi quy mô nhỏ (02 trang trại chăn nuôi lợn, 01 trang trại chăn nuôi bò). Đến 31/10/2023: tổng đàn gia súc 38.118 con, đạt 124,14% kế hoạch, tổng đàn gia cầm 360.526 con, đạt 82,2% kế hoạch; ước thực hiện năm 2023, tổng đàn gia súc là 38.644 con, đạt 125,86% so với kế hoạch; tổng đàn gia cầm 386.000 con, đạt 88% kế hoạch. Diện tích nuôi trồng thủy sản thực hiện đến 31/10/2023 là 316 ha, đạt 100% kế hoạch, tổng sản lượng thủy sản là 4.620 tấn, đạt 102,67% kế hoạch; ước thực hiện năm 2023, diện tích nuôi trồng là 316 ha đạt 100% so với kế hoạch; sản lượng thủy sản là 4.769 tấn, đạt 105,69% so với kế hoạch. Về tình hình dịch bệnh: trong kỳ không phát sinh dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm.

c. Lâm nghiệp và công tác quản lý bảo vệ rừng:

- Lĩnh vực lâm nghiệp được chú trọng: Các Chốt BVR liên ngành tiếp tục được duy trì tại các địa phương; hướng dẫn cộng đồng dân cư thôn được giao rừng tiếp tục duy trì các chốt, xây dựng kế hoạch thường xuyên tuần tra, kiểm tra đối với diện tích rừng được giao. Tổ chức 141 cuộc/858 lượt người tham gia, trong năm 2023 đã phát hiện 02 vụ vi phạm luật lâm nghiệp (tại địa bàn xã Đăk Ui, Đăk Pxi). Chỉ đạo các phòng, ban đơn vị liên quan, UBND các xã tiếp tục tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng trong mùa khô 2022 - 2023, trong thời gian qua, xảy ra 5 vụ cháy không thiệt hại đến tài nguyên rừng; hướng dẫn nhân dân chăm sóc rừng trồng năm 2021, 2022. Triển khai thực hiện tốt công tác giao, khoán quản lý bảo vệ rừng gắn với hưởng lợi từ rừng.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế rừng, thực hiện trồng rừng. Chỉ tiêu trồng rừng sản xuất năm 2023 của UBND huyện Đăk Hà được UBND tỉnh giao năm 2023 là 363 ha, HĐND huyện giao 370 ha. Kết thúc mùa vụ trồng rừng năm 2023, tổng diện tích rừng huyện Đăk Hà trồng là 513,76 ha, trong đó: Diện tích UBND huyện trồng là 397,32 ha, đạt 107,38% kế hoạch huyện giao; Ban quản lý rừng phòng hộ trồng 41ha; Diện tích Ban trồng rừng nguyên liệu giấy Đăk Hà trồng trên diện tích đất đã khai thác trắng rừng trồng Thông 3 lá của đơn vị là 29ha; Công ty InnovGreen Kon Tum trồng 46,44 ha.

1.3. Công nghiệp - Xây dựng

- Công tác cấp phép giấy phép xây dựng được thực hiện theo đúng quy định. Chỉ đạo các cơ quan đơn vị tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch trên địa bàn huyện đảm bảo theo tiến độ: Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng dân cư về Nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện đến năm 2040; cập nhật và hoàn thiện hồ sơ Nhiệm vụ Quy hoạch điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà đến năm 2035 trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt; Đề nghị thẩm định kết quả đánh giá E-HSĐT gói thầu Tư vấn lập đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu dân cư Tổ dân phố 2A, thị trấn Đăk Hà; Triển khai thực hiện các bước thủ tục đấu thầu gói thầu: Tư vấn khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m đồ án quy hoạch chi tiết Trung tâm thị trấn Đăk Hà, tỷ lệ 1/500 (Khu vực Đông Bắc Trung tâm thị trấn Đăk Hà); Hoàn thiện hồ sơ trình cấp thẩm quyền xem xét điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị trấn Đăk Hà,

huyện Đăk Hà đến năm 2025 để thực hiện đầu tư dự án: Sửa chữa, nâng cấp cơ sở làm việc Công an huyện Đăk Hà thuộc Công an tỉnh Kon Tum và vị trí Trụ sở Công an thị trấn Đăk Hà (vị trí 2).

- Theo Kế hoạch đầu tư công phân cấp ngân sách huyện năm 2023 (*kể cả nguồn bổ sung, năm trước chuyển sang*) trên địa bàn huyện thực hiện đầu tư chuyển tiếp các dự án, công trình như: Cải tạo, nâng cấp đường Chu Văn An; Cải tạo, nâng cấp đường Trường Chinh, TDP 1 (*đến nay đã hoàn thành*); Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Đông - Tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân Lập B và thôn Kon Hnông Yốp, xã Đăk Hring; thực hiện đầu tư khởi công mới các công trình như: Đường Hoàng Thị Loan, thị trấn Đăk Hà; Trường Mẫu giáo xã Ngọc Réo; Trường MG xã Đăk Pxi; Cụm công nghiệp Đăk La; Trụ sở BCH quân sự xã Ngọc Wang; Trụ sở BCH quân sự xã Hà Mòn; Trường THCS xã Ngọc Réo; Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường từ QL 14 đi UBND xã Hà Mòn (*đường Trường Chinh*); Đường từ QL 14 đi thôn 3, xã Hà Mòn (*Đường Lê Lợi*); Đường từ QL 14 đi cụm công nghiệp Đăk Mar; Trường TH Trần Quốc Toàn...

1.4. Thương mại - Dịch vụ

- Thương mại - Dịch vụ tiếp tục ổn định, đảm bảo cung cấp hàng hóa trong dịp Lễ, Tết. Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trên địa bàn huyện Đăk Hà được tăng cường. Triển khai hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm năm 2023. Triển khai đảm bảo các mặt hàng thiết yếu khi có bão lũ xảy ra trên địa bàn huyện. Đồng thời, triển khai tổ chức hoạt động hưởng ứng ngày Quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2023. Triển khai thông báo hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị theo Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 04 tháng 04 năm 2023 của UBND tỉnh. Tổ chức thành công phiên chợ Nông nghiệp sạch năm 2023 trên địa bàn huyện.

1.5. Thu, chi ngân sách

- Tổng thu ngân sách Nhà nước đến ngày 31/10/2023 là: 684.927,56 triệu đồng. Trong đó, ngân sách huyện và xã hưởng 625.716,26 triệu đồng, đạt 91,25% so với dự toán tỉnh giao và đạt 90,30% so với dự toán huyện giao. Chi ngân sách địa phương đến ngày 31/10/2023 là: 474.466,88 triệu đồng, đạt 69,65% so với nhiệm vụ chi năm 2023.

1.6. Đầu tư phát triển; Chương trình Mục tiêu quốc gia

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 phân cấp ngân sách huyện quản lý được bố trí đến nay là 71.687 triệu đồng. Thực hiện và giải ngân đến ngày 31/10/2023 là 31.530 triệu đồng, đạt 43,98 % so với kế hoạch vốn được giao. Ước thực hiện giải ngân niên độ năm 2023 đạt trên 95% so với kế hoạch vốn được giao.

- Triển khai thực hiện tốt 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ để phân đầu xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới. Tổng ngân sách nhà nước bố trí để thực hiện các CTMTQG năm 2023 trên địa bàn huyện được bố trí đến nay là 99.280 triệu đồng (*Trong đó: Vốn ĐTPT là 46.979 triệu đồng; Vốn sự nghiệp là 49.301 triệu*

đồng). Thực hiện và giải ngân đến hết ngày 31/10/2023 là 33.885 triệu đồng; đạt 34,13 tổng kế hoạch vốn giao (Trong đó: Vốn ĐTPT là 30.734 triệu đồng; đạt 65,42% kế hoạch vốn ĐTPT; Vốn sự nghiệp là 3.151 triệu đồng; đạt 6,4% dự toán giao). Phân đầu thực hiện giải ngân hết niên độ năm 2023 đạt 80% so với kế hoạch vốn được giao.

1.7. Tình hình thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường triển khai các nhiệm vụ đột phá về xúc tiến đầu tư và hỗ trợ khởi nghiệp năm 2023; Rà soát, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung danh mục các dự án thu hút đầu tư đảm bảo phù hợp với quy hoạch, hiện trạng đất đai và tiềm lực của địa phương. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đã được UBND tỉnh cho chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư trên địa bàn huyện tiếp tục khảo sát, đầu tư. Phối hợp rà soát các dự án đầu tư, dự án đã được UBND tỉnh cho chủ trương khảo sát nghiên cứu đầu tư trên địa bàn huyện. Tham gia ý kiến về nội dung dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý theo đúng quy định.

- Thực hiện nghiêm túc việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh doanh. Chỉ đạo rà soát, thông báo vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với các trường hợp quá thời gian (06 tháng) kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhưng không tiến hành hoạt động kinh doanh và không đăng ký thuế, kê khai nộp thuế theo quy định.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách của Trung ương, của tỉnh về tổ chức và hoạt động của trang trại nông nghiệp, tổ hợp tác, nhóm hộ; tạo điều kiện thuận lợi, tư vấn kịp thời, hỗ trợ các Hợp tác xã, trang trại, tổ hợp tác, nhóm hộ phát triển, gắn kết sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm thành một chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ, để nâng cao giá trị hàng nông sản. Tuyên truyền, hướng dẫn HTX 19/5 hoàn thành thủ tục giải thể tự nguyện HTX theo đúng quy định. Đến nay, trên địa bàn huyện có 25 HTX, trong đó có 21 HTX đang hoạt động và 04 HTX ngừng hoạt động; có 62 THT/1370 tổ viên, 17 Nhóm hộ đang hoạt động (Các tổ hợp tác và nhóm hộ đã đăng ký hoạt động với chính quyền xã, thị trấn). Triển khai thực hiện Chương trình 69-CTr/HU về thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII “Về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới”; Triển khai Chương trình hành động của hệ thống Liên minh HTX Việt Nam thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022. Rà soát, đề xuất nhu cầu hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Triển khai Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 15/07/2023 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, siết chặt kỷ luật kỷ cương. Tổ chức Hội nghị triển khai Nghị quyết 20-NQ/TW và chia sẻ kinh nghiệm chỉ đạo, quản lý và hỗ trợ phát triển Kinh tế tập thể giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn huyện Đắk Hà năm 2023.

- Ngoài ra, thực hiện Kế hoạch số 1277/KH-UBND ngày 04/5/2023 của UBND tỉnh và Hướng dẫn số 02/HD-SNN ngày 09/6/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT, hiện tại trên địa bàn huyện các địa phương đã triển khai thành lập 03 Hội quán (Tại thị trấn Đắk Hà, xã Hà Môn và xã Ngọc Wang).

1.8. Xây dựng nông thôn mới; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

a. Xây dựng nông thôn mới:

- Đến nay tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 7 xã Hà Mòn, Đăk Mar, Đăk La, Đăk Ngok, Đăk Hring, Ngọc Wang, Đăk Ui; 02 xã Đăk Pxi, xã Ngọc Réo đã đạt 19/19 tiêu chí, đang hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và công nhận theo quy định; xã Đăk Long đạt 14/19 tiêu chí.

- Về xã Nông thôn mới nâng cao: Xã Hà Mòn, xã Đăk Mar đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; xã Đăk Ngok đạt 16/19 tiêu chí; xã Đăk Hring đạt 11/19 tiêu chí; xã Đăk La đạt 9/19 tiêu chí.

- Về xã nông thôn mới kiểu mẫu: Xã Hà Mòn, xã Đăk Mar đều đạt 2/3 tiêu chí theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025 (Còn 01 tiêu chí số 2 về Mô hình nông thôn thông minh chưa đạt chuẩn).

- Về khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay đã có 7 thôn đã được UBND huyện công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021- 2025.

- Về kết quả thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025: Hiện có 9 thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn.

- Trong năm 2023 UBND huyện chọn Thôn 2, xã Hà Mòn và Thôn 3 xã Đăk Mar xây dựng xây dựng mô hình “Thôn thông minh”; chọn xã Hà Mòn xây dựng mô hình “Xã nông thôn mới thông minh”.

b) Công tác quản lý tài nguyên; phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Triển khai giải quyết công nhận và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đúng quy định. Chỉ đạo cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác kiểm tra, chấn chỉnh, giám sát về công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là những điểm thu mua, chế biến mủ cao su; cơ sở xay xát cà phê; cơ sở chăn nuôi tránh để tình trạng ô nhiễm môi trường; Chỉ đạo cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật trong công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, kiến nghị cấp thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật nếu phát hiện vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Nhìn chung công tác quản lý về môi trường được thực hiện đảm bảo; không để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do các hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác kiểm tra các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn các xã, thị trấn được thực hiện theo quy định.

- Hoàn thành công tác Thống kê đất đai năm 2023; công tác Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 trình Hội đồng thẩm định quy hoạch kế hoạch sử dụng đất cấp huyện của tỉnh thẩm định. Hoàn thành và tổ chức thông tin bán đấu giá quyền sử dụng đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với các thửa đất do Nhà nước quản lý trên địa bàn huyện Đăk Hà năm 2023 (22 thửa đất tại thị trấn Đăk Hà, xã Hà Mòn, Đăk Hring, Ngọc Wang); triển khai công tác xác định giá khởi điểm, hệ số điều chỉnh giá đất đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất đối với các Dự án Khai thác quỹ đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Đông Quốc lộ 14, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring và Dự án: Khai thác quỹ

đất phát triển kết cấu hạ tầng khu vực phía Tây Quốc lộ 14, thôn Kon Hnông Yóp, thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring.

- Thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền vận động người dân sử dụng nước tiết kiệm nhằm tránh xảy ra tình trạng khô hạn, thiếu nước trong mùa khô. Đồng thời theo dõi diễn biến thời tiết, tình hình thiên tai, chủ động triển khai hiệu quả các phương án ứng phó với thiên tai.

2. Văn hóa - xã hội

2.1. Về lao động, việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo

- Công tác an sinh xã hội, hỗ trợ các gia đình chính sách được quan tâm, các đối tượng chính sách được hưởng trợ cấp kịp thời và đúng chế độ. Các hoạt động "Đền ơn đáp nghĩa" và đảm bảo an sinh xã hội được quan tâm.

- Thực hiện rà soát cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ DTTS, người sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn đảm bảo người dân được khám chữa bệnh kịp thời. Thực hiện hỗ trợ gạo cho các hộ nghèo có nguy cơ bị thiếu đói và hỗ trợ tiền điện đảm bảo theo quy định.

- Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ giải quyết việc làm, triển khai tuyển dụng lao động đi làm việc ở nước ngoài nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động được thực hiện thường xuyên. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được quan tâm triển khai, đến nay đã tuyển sinh các lớp dạy nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn (đã khai giảng giảng 4 lớp/ 93 học viên (Vận hành máy kéo nông nghiệp) đào tạo nghề cho lao động năm 2023 và đang tuyển sinh 01 lớp với 20 học viên); các lớp nghề nông nghiệp do Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện phụ trách đã tuyển sinh và khai giảng 10 lớp với khoảng 302 học. Dự kiến đào tạo nghề năm 2023 là 415 học viên đạt 100,3% kế hoạch giao.

2.2 Giáo dục và đào tạo

- Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của xã hội và hội nhập quốc tế.

- Chất lượng giáo dục vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được cải thiện, có sự chuyển biến tích cực. Phát huy sức mạnh hệ thống chính trị trong việc huy động tối đa trẻ em dân tộc thiểu số trong độ tuổi mẫu giáo, tiểu học, THCS ra lớp và duy trì sĩ số, nâng cao tỷ lệ chuyên cần, hạn chế số học sinh dân tộc thiểu số bỏ học.

- Năm học 2023 - 2024, toàn huyện có 41 đơn vị trường học. Công tác xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia được chú trọng, toàn huyện có 30/41 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 73,17%.

- Phòng học được sửa chữa và xây mới, cơ bản đảm bảo việc dạy và học. Phòng học tạm và mượn nhờ giảm đáng kể. đã ưu tiên bố trí đủ phòng học cho học sinh lớp 1, lớp 2, 3 (1 phòng/lớp). Công tác trang bị cơ sở vật chất cho các đơn vị trường học được quan tâm chú trọng đảm bảo các cơ sở giáo dục cơ bản đã bổ sung thiết bị dạy học tối thiểu đảm bảo cho công tác dạy học.

2.3. Chăm sóc sức khỏe Nhân dân

- Tiếp tục nâng cao chất lượng y tế cơ sở, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao. Các hoạt động kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh ở người được triển khai thường xuyên. Nâng cao năng lực thực hiện tốt công tác y

tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh; sàng lọc và phát hiện sớm, chữa trị kịp thời, không để phát sinh, lây lan trong cộng đồng. Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình được triển khai thường xuyên. Công tác kiểm tra giám sát ngộ độc thực phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm được triển khai thực hiện thường xuyên. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng cao, các thủ tục khám, chữa bệnh được đơn giản hóa. Duy trì 100% trạm y tế có bác sĩ; 100% xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã. Công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm được tăng cường.

2.4. Văn hóa - thể thao, thông tin - truyền thông

- Thực hiện có hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn trong năm; các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các hoạt động mang tính thời sự trên địa bàn. Nhất là các hoạt động, phong trào phát động thi đua tiến tới Kỷ niệm 30 năm thành lập huyện Đắk Hà (24/3/1994 - 24/3/2024).

- Các giá trị văn hóa của dân tộc tiếp tục được bảo tồn, gìn giữ và phát huy. Các di tích lịch sử cách mạng, văn hóa tiếp tục được bảo tồn, khôi phục. Các hoạt động văn hóa, thể thao được quan tâm chú trọng. Tăng cường đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các thiết chế văn hóa, góp phần nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của Nhân dân. Đẩy mạnh công tác sưu tầm, tiếp tục phục hồi và gìn giữ các sinh hoạt văn hóa, các lễ hội, các ngành nghề truyền thống. Đẩy mạnh thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” năm 2023. Đến nay, số thôn, tổ dân phố đạt và giữ vững danh hiệu “Thôn, tổ dân phố văn hóa” là 83/84 thôn, tổ dân phố, chiếm 98.8% tổng số thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện. Toàn huyện có 14.272/18.421 hộ đạt và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”, chiếm tỷ lệ 77.4% tổng số hộ gia đình trên địa bàn huyện. Phong trào xây dựng gia đình văn hóa đã góp phần phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống gia đình; nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, nếp sống văn minh nơi công cộng.

- Triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn huyện Đắk Hà nhằm mục tiêu đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng nông thôn mới góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân, thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới nông thôn mới thông minh. Chỉ đạo các xã, thị trấn thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng tại địa phương, đến nay đã thành lập Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số huyện, 11 Ban chỉ đạo về Chuyển đổi số xã và triển khai tổ công nghệ số cộng đồng tới cấp thôn, làng với 95 tổ, 279 thành viên.

- Kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của các dịch vụ văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; đưa các hoạt động dịch vụ vào kỷ cương, đảm bảo đúng theo chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

2.5. Khoa học công nghệ

- Tiếp tục việc duy trì, áp dụng HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính trên địa bàn huyện Đắk Hà năm 2022; Triển khai hoạt động khoa học và công nghệ cấp huyện năm 2023; Thông báo đến các tổ chức, cá nhân đăng kí tiếp nhận hồ sơ đăng ký sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận “Gạo thơm Đắk Hà”. Đến nay đã có 01 HTX Cà

phê Vi Phú Hoàng nộp hồ sơ đăng ký sử dụng Nhãn hiệu, hiện đang hoàn thiện hồ sơ. Trong năm 2023 đã tiếp nhận 150 hồ sơ đề nghị công nhận sáng kiến cấp cơ sở của ngành giáo dục đợt 1 (năm 2023), qua đánh giá, nhận xét có 120 sáng kiến ngành giáo dục được công nhận sáng kiến cấp cơ sở đợt 1 năm 2023.

2.6. Chính sách dân tộc

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn huyện Đắk Hà.

- Thực hiện chính sách đối với người có uy tín theo Quyết định 12/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Chỉ đạo Phòng Dân tộc tham mưu, tổ chức thăm, tặng 102 suất quà cho 52 người có uy tín trong vùng đồng bào DTTS trên địa bàn huyện với tổng số tiền là 51 triệu đồng; kịp thời tổ chức thăm viếng 02 người có uy tín qua đời; 01 người thân của người có uy tín qua đời; thăm hỏi 01 người có uy tín ốm đau; phối hợp triệu tập 20 người có uy tín tham gia tập huấn tại tỉnh; giới thiệu 02 người có uy tín đi tham quan học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh năm 2023; lựa chọn 01 đại biểu là người có uy tín tham dự Hội nghị biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến trong đồng bào DTTS toàn quốc năm 2023”.

- Triển khai thực hiện các biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện chỉ tiêu về đất ở, đất sản xuất cho đồng bào DTTS trên địa bàn. Đến nay, tỷ lệ hộ đồng bào DTTS có đất ở là: 8.279 hộ/8.295 hộ, chiếm 99,81%; số hộ DTTS có đất sản xuất là 8.186 hộ/8.295 hộ, chiếm 98,69%. Ước thực hiện năm 2023 tỷ lệ hộ đồng bào DTTS có đất ở là 99,83, đạt 100 kế hoạch%; số hộ DTTS có đất sản xuất là 98,75%, đạt 100 kế hoạch.

3. Công tác nội vụ, thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, tư pháp

3.1. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền cơ sở

- Quyết định thành lập, kiện toàn các tổ chức liên ngành tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện thực hiện một số nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện theo quy định. Sắp xếp, kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo hướng chuẩn hoá; thực hiện điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc huyện theo quy định. Điều chỉnh chỉ tiêu giao biên chế công chức cho các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện.

- Tăng cường thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện. Phê duyệt kết quả thực hiện Cải cách hành chính năm 2022 của các xã, thị trấn. Chỉ đạo khắc phục các vấn đề còn tồn tại qua khảo sát sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2022; Triển khai khắc phục những hạn chế, khuyết điểm và cải thiện Chỉ số cải cách hành chính sau kiểm tra, chấm điểm công tác cải cách hành chính năm 2022. Tiến hành rà soát 253 thủ tục hành chính cấp huyện, 120 thủ tục hành chính cấp xã và 26 thủ tục hành chính thuộc ngành dọc.

- Tiếp tục quán triệt cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của đơn vị chấp hành nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong xử lý công việc.

3.2. Công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí; tiếp công dân, tiếp nhận đơn, thư:

- Tập trung chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện khắc phục các tồn tại theo Kết luận thanh tra, kiểm toán của cấp có thẩm quyền theo quy định. Đồng thời ban hành kế hoạch thực hiện Thông báo số 702-TB/HU ngày 31/7/2023 của Ban Thường vụ huyện uỷ về công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các kiến nghị thanh tra, kiểm tra, kiểm toán các cấp.

- Công tác thanh tra được thực hiện đúng quy định. Đã tổ chức thanh tra và Kết luận thanh tra đối với 06 cuộc thanh tra theo kế hoạch đã được phê duyệt và 01 cuộc thanh tra đột xuất. Qua thanh tra, tuy chưa phát hiện thấy có trường hợp tổ chức, cá nhân nào có hành vi tham nhũng nhưng đã phát hiện, kiến nghị, yêu cầu 03 đơn vị có sai phạm thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước với tổng số tiền 47.011.147 đồng do sai phạm trong hoạt động quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đầu tư xây dựng cơ bản... Đến nay, đã có 03/03 đơn vị chấp hành thực hiện xong việc nộp số tiền 47.011.147 đồng vào NSNN theo Kết luận thanh tra và Quyết định xử lý thu hồi tiền.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo thường xuyên được quan tâm triển khai thực hiện. UBND huyện, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn đã duy trì tốt công tác tiếp công dân thường xuyên và định kỳ theo quy định. Đơn khiếu nại, tố cáo; kiến nghị, phản ánh của công dân đã được xử lý, thụ lý giải quyết theo đúng quy định. Từ đầu năm 2023 đến nay, đã tổ chức tiếp 43 lượt công dân đến kiến nghị, phản ánh (cấp huyện: 31 lượt, cấp xã, thị trấn: 12 lượt), đến nay, các ngành chức năng và UBND các xã, thị trấn đã xem xét, giải quyết và trả lời cho công dân biết kết quả là 43 lượt, đạt tỷ lệ 100%. Tiếp nhận 142 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân (cấp huyện: 69 đơn, cấp xã: 73 đơn); đến nay, UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan đã xem xét, giải quyết và trả lời xong đối với 133 đơn, đạt tỷ lệ 93,66%, còn 19 đơn đang trong thời gian giải quyết (cấp huyện: 04 đơn; cấp xã: 05 đơn)

3.3. Công tác tư pháp

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các văn bản mới ban hành đến mọi tầng lớp nhân dân. Tiếp nhận và giải quyết các việc về hộ tịch đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về hộ tịch. công tác theo dõi thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, tình hình vi phạm hành chính trên địa bàn huyện thực hiện đúng theo quy định pháp luật, hành vi vi phạm hành chính chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực: giao thông đường bộ, đất đai, trật tự xã hội...

- Công tác kiểm tra, rà soát các văn bản QPPL luôn được chú trọng, góp phần đảm bảo các văn bản QPPL và các văn bản khác khi ban hành được thống nhất, đồng bộ, nhất quán, minh bạch và khả thi. Ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Hà ban hành hết hiệu lực toàn bộ trong năm 2022 với 05 văn bản QPPL hết hiệu lực.

4. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội

- Tình hình quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định. Thường xuyên bố trí lực lượng bám địa bàn, tăng cường công tác tuần tra phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm; kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật theo quy định. Tổ chức Lễ đón nhận 129 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự, trở về xây dựng quê hương. Tổ chức Lễ giao, nhận quân năm 2023 cho 126 công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự. Tổ chức diễn tập chiến đấu xã, thị trấn trong khu vực phòng thủ năm 2023 theo kế hoạch đề ra. Triển khai đẩy mạnh việc cấp thẻ CCCD có gắn chip điện tử và định danh điện tử mức độ 2 cho công dân trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo trên địa bàn, kịp thời nắm bắt, xử lý đối với những vấn đề phát sinh ở cơ sở. Hoạt động của tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn huyện cơ bản diễn ra bình thường, ổn định, tuân thủ pháp luật. Chức sắc, tín đồ các tôn giáo cơ bản chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

5. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

5.1. Thực trạng phát triển đô thị:

Huyện Đắk Hà hiện tại có một thị trấn là thị trấn Đắk Hà, với tổng diện tích 1.547,42 ha, tổng số dân định cư trên địa bàn 14.345 người, mật độ dân số trung bình 927 người/km², là trung tâm chính trị, kinh tế - xã hội của toàn huyện. Trong những năm qua, bộ mặt đô thị nơi đây đã có nhiều thay đổi, tính năng động của vùng trung tâm huyện được biểu hiện rõ nét, các công trình cơ sở hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc, cơ quan hành chính và nhà ở dân cư dần được xây dựng kiên cố, mức độ đô thị ngày càng nâng cao. Khu vực trung tâm thị trấn đã được quy hoạch xây dựng chi tiết, song với yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai cần quy hoạch mở rộng khu trung tâm cho phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Hoàn chỉnh Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung thị trấn Đắk Hà đến năm 2025 với tổng diện tích khoảng 3.200 ha. Tập trung huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thị trấn Đắk Hà ngày càng đồng bộ, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Định kỳ rà soát, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh một số vị trí quy hoạch không còn phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị trấn Đắk Hà và bổ sung một số vị trí quy hoạch các trụ sở cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp. Đến nay, thị trấn Đắk Hà đã được UBND tỉnh công nhận đạt đô thị loại V.

Tập trung huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển hệ thống giao thông trên địa bàn. Nhìn chung, đến nay hệ thống giao thông trên địa bàn thị trấn Đắk Hà cơ bản được thông suốt trong cả 02 mùa, đáp ứng tốt nhu cầu lưu thông, vận chuyển hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện, nâng cao đời sống của Nhân dân.

5.2. Thực trạng phát triển các khu dân cư nông thôn

Quy mô dân số ở nông thôn là 54.050 được phân bố trên 10 xã, mật độ dân số trung bình ở nông thôn là 64 người/km². Do đặc điểm về điều kiện tự nhiên, phong tục tập quán của các dân tộc, trên địa bàn đã hình thành nên các cụm dân

cư có các tập quán khác nhau. Đặc điểm các khu dân cư hiện nay trên địa bàn huyện có thể chia thành các dạng chính như sau:

- Dạng định cư tập trung tại trung tâm các xã, trung tâm kinh tế, nông trường quốc doanh, thị tứ và trung tâm cụm xã.

- Dạng định cư dọc theo các tuyến giao thông.

- Dạng định cư Buôn làng của người đồng bào dân tộc tại chỗ, đây là hình thức dân cư tập trung nhưng thường được phân bố theo dạng nhà liền vườn.

Trong những năm gần đây, do tình trạng nhập cư tự do đã hình thành nhiều điểm dân cư tự phát và manh mún sống rải rác trên các sườn đồi và trong đất sản xuất nông nghiệp, gây khó khăn cho công tác quản lý và xây dựng cơ sở hạ tầng. Trong tương lai cần quy hoạch sắp xếp lại các điểm dân cư này cho phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh trên địa bàn toàn huyện.

Đến nay huyện có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Hà Mòn, xã Đăk La, xã Đăk Mar, xã Đăk Ngok*), tổng số tiêu chí đã đạt của các xã trên địa bàn huyện là 152 tiêu chí. Song song với quá trình xây dựng nông thôn mới huyện cũng tập trung tái cơ cấu ngành nông nghiệp. Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới kiểu mẫu nổi trội từng lĩnh vực năm 2020 có tính đến năm 2025.

6. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

6.1. Giao thông

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ 14 chạy qua xuyên suốt theo chiều dài dọc trung tâm huyện, đây là tuyến giao thông quan trọng nhất của vùng Tây Nguyên nối liền các tỉnh Duyên hải Trung Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh.

Mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện trong những năm gần đây đã được đầu tư khá mạnh, đường ô tô đã đến trung tâm xã, hệ thống đường liên xã, liên thôn đã được nâng cấp và làm mới khá nhiều, đường đến trung tâm các xã phần lớn được lát nhựa.

- *Đường quốc lộ:* Quốc lộ 14 đoạn qua huyện dài 23 km, mặt nhựa, đạt cấp III - IV miền núi, nền rộng 9-10m, mặt rộng 6,5 - 7,5m.

- *Đường tỉnh:*

- + Tuyến tỉnh lộ 671 từ thị trấn Đăk Hà đi Ngok Wang - Ngok Réo, tổng chiều dài qua huyện là 24 km, hiện trạng là đường nhựa, cấp IV miền núi, bề rộng nền đường 7,5 m, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m.

- + Tuyến tỉnh lộ 677 (Đường Đăk Côi - Đăk PXi dài 22 km, bề rộng nền đường 7 - 8 m, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

- *Đường huyện:*

- + Tuyến đường huyện ĐH 42 từ Đăk Hà đi Đăk Ui dài 15 km, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

- + Đường tránh lũ; Đường Đăk La đi Ngok Réo

- + Tuyến đường huyện ĐH 41 đi Hà Mòn dài 4 km, bề rộng mặt đường 4,5 - 5m, kết cấu mặt đường nhựa.

- *Đường liên thôn*: Phân bố rộng khắp trên địa bàn huyện hầu hết là đường đất, hơn 200 km đường lô cà phê, cao su phục vụ sản xuất và đi lại trong các nông trường, trang trại, công ty. Hệ thống đường này do các công ty, đơn vị kinh doanh tự đầu tư xây dựng và tu sửa hàng năm.

- *Đường đô thị*: Tổng chiều dài khoảng 32 km tập trung ở thị trấn Đăk Hà, với kết cấu mặt đường nhựa khoảng 11 km, còn lại đường cấp phối và đường đất.

Nhìn chung mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện khá hoàn chỉnh, đã hình thành các trục giao thông đối ngoại, đối nội. Tuy nhiên, hiện tại chất lượng đường chưa đảm bảo, đường cấp phối và đường đất chiếm tỷ lệ lớn trong hệ thống đường liên thôn.

6.2 Thủy lợi

Trên địa bàn có 61 công trình thủy lợi hồ chứa và đập dâng cung cấp nước tưới cho cây trồng và sinh hoạt. Phần lớn các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện là hồ chứa phục vụ tưới cho diện tích lúa, cây công nghiệp cà phê.

Cụm công trình đầu mối, hệ thống kênh mương và các công trình trên kênh được xây dựng khá tốt cơ bản đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn huyện.

Nhìn chung hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện trong những năm qua được đầu tư xây dựng khá tốt, đầu tư phát triển thủy lợi và kiên cố hóa kênh mương mang lại hiệu quả thiết thực về kinh tế - xã hội, từng bước đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho những khu vực sản xuất. Tuy vậy công tác thủy lợi vẫn tồn tại một số vướng mắc như chưa có quy hoạch tổng thể cho toàn bộ hệ thống thủy lợi, nhiều công trình thủy lợi đã quá lâu nên hư hỏng, xuống cấp, các công trình tiêu nước nên rất ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.

6.3 Cấp điện

Hệ thống lưới điện trong những năm gần đây được đầu tư tương đối đồng bộ. Tính đến nay có 100% các xã có điện lưới quốc gia đi qua (gồm 472 trạm 110 KV Kon Tum). Lưới điện trong những năm gần đây được đầu tư tương đối đồng bộ. Tính đến nay, trên 100% xã, thị trấn có điện lưới quốc gia đi qua. Với 62 trạm biến áp tiêu thụ, tổng công suất 6.048 KVA; điện áp chủ yếu là 22/0,4, 22/2x0,23, 12,7/0,22, 12,7/0,22.

6.4. Cấp nước

Tính đến quý I/2020 trên địa bàn huyện đầu tư xây dựng 06 công trình nước sinh hoạt với tổng mức đầu tư 24,26 tỷ đồng, 2.199 đầu nối, trong đó 02 công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng (Cấp nước sinh hoạt thị trấn Đăk Hà, xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà 358 đầu nối/354 đầu nối thiết kế; Cấp nước sinh hoạt thôn Kon Gung-Đăk Mút, xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà 395 đầu nối/402 đầu nối thiết kế); 01 công trình đang triển khai thi công (Cấp nước sinh hoạt thôn Quyết Thắng, thôn 4 và thôn Bình Minh 2 xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà), 03 công trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự kiến hoàn thành công trình tháng 12/2020 (*Cấp nước sinh hoạt thôn 1, 2, 3, 4, và 5 xã Đăk Mar, huyện Đăk Hà 670 đầu nối; Cấp nước sinh hoạt thôn 1, xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà 82 đầu nối; Cấp nước sinh hoạt xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà 402 đầu nối*).

6.5 Bưu chính viễn thông

Mạng lưới viễn thông VNPT, Mobil, Viettel,... đã phủ sóng đến các xã trong huyện. 100% xã đều có bưu điện văn hóa xã, đáp ứng một phần về nhu cầu thông tin cho nhân dân; 100% các thôn, làng có máy điện thoại; 100% xã có mạng Internet. Số người sử dụng mạng điện thoại di động và cố định tăng đáng kể. Ứng dụng công nghệ thông tin vào sản xuất cũng phát triển, số gia đình trang bị máy vi tính tăng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh lớn đều ứng dụng công nghệ thông tin.

7. Về giáo dục - đào tạo, Y tế, văn hóa

7.1. Giáo dục đào tạo

Chất lượng Giáo dục - Đào tạo chuyên biến tích cực, giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 05 tuổi, Tiểu học đúng độ tuổi và Trung học cơ sở; phân luồng học sinh bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 64,63% (đạt 92,33% so Nghị quyết); tỷ lệ huy động trẻ ra lớp hằng năm đạt cao. Hệ thống trường, lớp học tiếp tục được đầu tư nâng cấp, sửa chữa góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; công tác xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia được chú trọng, đến nay có 21/43 trường chuẩn, đạt tỷ lệ 48,8 %. Công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng xã hội học tập được đẩy mạnh; các cơ sở giáo dục ngoài công lập được khuyến khích phát triển. Đến nay, huyện quản lý 43 đơn vị trường học trực thuộc; 724 nhóm, lớp; với tổng số học sinh là 21.304 em. Công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn được triển khai tích cực, nâng tỷ lệ lao động được đào tạo từ 26,50% đầu nhiệm kỳ lên 32,51%; giải quyết việc làm mới bình quân cho 415 người/năm; xuất khẩu 164 lao động.

7.2. Y tế

Chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho Nhân dân được nâng lên, y tế dự phòng được đẩy mạnh góp phần phòng và khống chế các loại dịch bệnh ở người. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được quan tâm, đầu tư xây dựng, hiện có 11/11 xã, thị trấn đạt chuẩn bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 100% nghị quyết. So với đầu nhiệm kỳ: Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,59% xuống còn 1,33%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm từ 18,4% xuống còn 15,8%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng từ 54,5% lên 95,5%.

8. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

8.1. Thuận lợi:

Qua phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội Đắk Hà có một số lợi thế so với các huyện lân cận:

- Lợi thế về đất đai và khí hậu: Quỹ đất phát triển nông nghiệp lớn chiếm trên 87% diện tích tự nhiên, đất đai phì nhiêu, phù hợp với nhiều loại cây trồng, đặc biệt là các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như: mía, cao su, cà phê, tiêu.

- Lợi thế về nguồn nước: Có nhiều sông, hồ chứa lớn, nguồn nước dồi dào nhiều vị trí xây dựng hồ, đập đảm bảo yêu cầu nước cho sinh hoạt và các ngành sản xuất trong huyện.

- Lợi thế về tài nguyên rừng: Diện tích đất lâm nghiệp lớn, với nhiều

chủng loại động thực vật phong phú, thuận lợi để hình thành các vùng trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, cây dược liệu...

- Lợi thế về vị trí địa lý Huyện Đăk Hà có vị trí địa lý thuận lợi cho việc phát triển kinh tế xã hội và giao lưu hàng hóa với các khu vực khác trong tỉnh. Với lợi thế nằm ở trung tâm tỉnh, tiếp giáp với thành phố Kon Tum, có Quốc lộ 14 là tuyến đường huyết mạch của Tây Nguyên đi qua, huyện có khả năng kết nối tốt với các khu vực của Lào, Cam Pu Chia thông qua cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các vùng kinh tế trọng điểm khác.

- Lợi thế về khí hậu nhiệt đới gió mùa khá ôn hòa, đặc biệt có quỹ đất đỏ Bazan khá lớn (chiếm khoảng 73,36% diện tích tự nhiên), là loại đất có chất lượng cao nhất trong các loại đất đồi núi ở nước ta, thích hợp cho nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cà phê, cao su, tiêu...

- Lợi thế về những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua: Được sự quan tâm của Trung ương và tỉnh, những năm qua tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đến nay các công trình thủy điện lớn, thủy lợi, giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, các công trình phúc lợi xã hội ... cơ bản đã phủ kín các xã tạo thuận lợi để phát triển kinh tế và thu hút đầu tư từ bên ngoài...

Về xã hội: Với dân số có mật độ trung bình so với diện tích đất đai nông nghiệp, bảo đảm công ăn việc làm, không gây áp lực lớn về vấn đề thiếu đất sản xuất, có điều kiện để tăng thu nhập cho nông dân.

Cơ sở hạ tầng tuy còn nhiều hạn chế nhưng về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất đời sống nhân dân như điện, phát thanh truyền hình, thông tin liên lạc, y tế giáo dục...

8.2. Khó khăn

- Do địa hình một số khu vực như Đăk Pxi, Ngọc Réo...địa hình chia cắt mạnh, cao và dốc, do đó khó có thể hình thành các vùng sản xuất tập trung và phát triển đô thị có quy mô lớn. Hiện tượng sạt lở đất và lũ lụt trong những năm gần đây thường xuyên xảy ra đã làm ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội của huyện.

- Khí hậu phân hoá theo mùa, gây nên tình trạng thiếu nước về mùa khô, ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Lượng mưa phân bố không đều vào thời gian thu hoạch nên ảnh hưởng đến chất lượng nông sản và bảo quản sau thu hoạch.

- Trình độ lao động vẫn còn nhiều hạn chế, số lao động qua đào tạo chiếm tỷ trọng nhỏ, khó tạo ra được những bước chuyển mạnh mẽ của nền kinh tế huyện.

- Công nghiệp trên địa bàn huyện còn hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, hạ tầng sản xuất công nghiệp chưa được hoàn thiện nên chưa thu hút được các dự án đầu tư công nghiệp có quy mô lớn mang tính đột phá, tạo động lực cho nền kinh tế trên địa bàn huyện.

- Trên địa bàn huyện có nhiều đồng bào dân tộc sinh sống với nhiều phong tục tập quán sản xuất khác nhau, chủ yếu là tự canh tác nên rất khó khăn để xây dựng nền sản xuất nông nghiệp tập trung theo mô hình trang trại nhằm đưa các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Khu vực thị trấn Đăk Hà và các xã phụ cận tiếp tục được đầu tư phát triển nâng cấp đô thị, sẽ mất đi một phần diện tích đất nông, lâm nghiệp. Bên cạnh đó, để cải thiện nâng cao đời sống nhân dân và đáp ứng nhu cầu đô thị hoá nông thôn, ngoài việc tận dụng nâng cấp, cải tạo các công trình hiện có, cần dành một diện tích đất thoả đáng để xây dựng thêm các công trình văn hoá thể thao, khu vui chơi giải trí... trong thị trấn và các điểm dân cư trên địa bàn huyện.

Như vậy, từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội những năm gần đây cũng như dự báo phát triển trong tương lai, áp lực đối với đất đai của huyện đã và sẽ ngày càng tăng lên (đặc biệt là ở khu vực thị trấn và các trọng điểm kinh tế phát triển) dẫn đến thay đổi hiện trạng sử dụng đất hiện nay. Để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội lâu dài, cần xem xét nghiêm túc việc khai thác sử dụng đất theo hướng khoa học trên cơ sở tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao, bố trí sử dụng đất phải đáp ứng nhu cầu cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội về hiện tại cũng như tương lai.

8.3. Khả năng khai thác các lợi thế và khắc phục hạn chế phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển kinh tế, đẩy mạnh giao lưu văn hoá, trao đổi khoa học công nghệ và hợp tác phát triển với các địa phương trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là hai tỉnh giáp ranh Quảng Nam và Gia Lai.

- Tạo thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp - TTCN quy mô vừa và nhỏ, thu hút nhiều lao động, tập trung khai thác các lợi thế để trở thành vùng kinh tế nông nghiệp phát triển của tỉnh. Đồng thời gắn các vùng nguyên liệu nông nghiệp với phát triển công nghiệp chế biến, tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh các ngành công nghiệp chế biến, tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập đáng kể cho người dân địa phương sử dụng nguồn nguyên liệu dồi dào, với quy mô lớn: sắn, cao su, cà phê, sản phẩm rừng trồng...

- Khai thác hiệu quả nguồn nước mặt và nước ngầm phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân bằng việc xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, cấp nước ...

- Phát triển mạnh ngành nông nghiệp theo hướng thâm canh tăng năng suất các loại cây trồng, đặc biệt là cây công nghiệp, phát triển các vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến.

- Phát triển mạnh ngành du lịch tận dụng thế mạnh của huyện có rừng với hệ sinh thái động thực vật phong phú, có nhiều cảnh quan đẹp, nhiều hồ nhân tạo có diện tích lớn, nhiều dân tộc cùng sinh sống với bản sắc văn hoá phong phú, đa dạng.

- Cần đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao trình độ dân trí và trình độ chuyên môn kỹ thuật của người lao động, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tại địa phương, tạo cơ sở vững chắc để thu hút các nguồn vốn bên ngoài vào đầu tư.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM TRƯỚC

1. Đánh giá kết quả đạt thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum là một trong những căn cứ pháp lý và cơ sở quan trọng để huyện thực hiện công tác thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch và pháp luật, nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, phục vụ tăng trưởng kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường của huyện trong năm 2023.

Diện tích các chỉ tiêu sử dụng đất trong năm 2023 huyện Đắk Hà trên cơ sở danh mục công trình dự án đã được xét duyệt, vì vậy, việc tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là một nhiệm vụ quan trọng để làm cơ sở xây dựng Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 theo quy định của pháp luật; phù hợp với nhu cầu sử dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và địa phương cấp xã trên địa bàn huyện; đảm bảo đúng theo chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được phân bổ, xét duyệt.

Biểu 02: Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023

Đơn vị tính (ha)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích ước thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)-(4)	(7)=(5)/(4)*100%
1	Đất nông nghiệp	NNP	74.970,1	75.278,6	308,5	100,4
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.283,2	2.292,1	8,9	100,4
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.283,2</i>	<i>2.225,1</i>	<i>-58,1</i>	<i>97,5</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.365,8	8.679,3	313,5	103,7
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.921,2	24.986,1	64,9	100,3
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.252,6	16.252,6	0,0	100,0
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	546,6	546,6	0,0	100,0
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22.177,8	22.245,7	67,9	100,3
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,5	237,5		100,0
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	186,2	38,7	-147,6	20,8
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.624,8	6.300,1	-324,7	95,1
2.1	Đất quốc phòng	CQP	108,7	8,4	-100,3	7,7
2.2	Đất an ninh	CAN	57,2	52,9	-4,3	92,5
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	102,6	53,1	-49,5	51,8

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích ước thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,5	4,5	-8,0	36,0
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	77,5	61,5	-16,0	79,3
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,0	3,0	0,0	100,0
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	84,7	51,8	-33,0	61,1
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.513,6	4.431,1	-82,5	98,2
	<i>Trong đó:</i>					
-	Đất giao thông	DGT	1.041,3	1.013,3	-28,0	97,3
-	Đất thủy lợi	DTL	956,7	906,7	-50,0	94,8
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,1	1,5	-0,6	69,5
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,0	5,0	0,0	100,0
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,5	64,9	-0,6	99,1
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	30,2	27,6	-2,6	91,5
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.299,1	2.299,0	-0,1	100,0
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,1	1,1	0,0	100,0
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,4	3,4	0,0	100,0
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,2	5,2		100,0
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,6	13,4	-0,2	98,4
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	88,2	88,2	0,0	100,0
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	2,2	1,8	-0,4	81,8
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,5	15,7	0,2	101,4

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích kế hoạch được duyệt	Kết quả thực hiện		
				Diện tích ước thực hiện đến 31/12/2023 (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) ha	Tỷ lệ (%)
	đồng					
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,9	4,7	-2,2	67,5
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	657,0	631,2	-25,8	96,1
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	210,4	206,4	-4,0	98,1
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,6	11,9	0,3	102,6
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,5	2,5	0,0	100,0
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	711,3	711,5	0,2	100,0
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,9	49,9	0,0	100,0
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.908,9	2.925,1	16,2	100,6

*** Kết quả thực hiện:**

Căn cứ theo Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum của UBND tỉnh Kon Tum về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà được phê duyệt tổng 96 dự án và đã thực hiện được 22 công trình dự án; các chỉ tiêu sử dụng đất như sau:

1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 74.970,1ha; kết quả thực hiện đạt 75.278,6 ha, còn 308,5 ha chưa chuyển sang mục đích phi nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp đạt chỉ tiêu được duyệt là 100,4% chi tiết từng loại đất như sau:

- Đất trồng lúa (LUA): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 2.283,2ha; kết quả thực hiện đạt 2.292,1 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 8,9 ha, đạt 100,4% so với chỉ tiêu được duyệt do một số công trình chưa thực hiện xong trong kế hoạch như: *Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum; Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok).*

- Đất trồng hàng năm khác (HNK): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 8.365,8ha; kết quả thực hiện đạt 8.679,3 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 313,5 ha, đạt 103,7% so với chỉ tiêu được duyệt do một số công trình chưa thực hiện xong trong kế hoạch như: *Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cấm, thành phố Kon Tum; Dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8,*

xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà; Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi (Tổ hợp thương mại, dịch vụ, du lịch) - Đơn đăng ký của ông Vũ Văn Ngân; Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum.

- Đất trồng cây lâu năm (CLN): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 24.921,2ha; kết quả thực hiện đạt 24.986,1 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 64,9 ha, đạt 100,3% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất rừng phòng hộ (RPH): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 16.252,6ha; kết quả thực hiện đạt 16.252,6 ha, đạt 100% chỉ tiêu được duyệt.

- Đất rừng đặc dụng (RDD): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 546,6ha; kết quả thực hiện đạt 546,6 ha, đạt 100% chỉ tiêu được duyệt.

- Đất rừng sản xuất (RSX): chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 22.173,8ha; kết quả thực hiện đạt 22.245,7 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 67,9 ha đạt 100,3% so với chỉ tiêu được duyệt do một số công trình chưa thực hiện xong trong kế hoạch như: *Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum; Dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà; Dự án Sửa chữa nâng cấp Đập Đăk Cắm, thành phố Kon Tum.*

- Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 237,5ha; kết quả thực hiện đạt 237,5 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất nông nghiệp khác (NKH): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 186,2ha; kết quả thực hiện đạt 38,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 147,6 ha, đạt 20,8% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Công trình Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu-công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin; Trang trại chăn nuôi ông Nguyễn Quang Thịnh.*

1.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 6.624,8ha; kết quả thực hiện đạt 6.300,1 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 324,7 ha, đạt 95,1%, chi tiết từng loại đất cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng (CQP): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 108,7ha; kết quả thực hiện đạt 8,4 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 100,3 ha, đạt 7,7% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2; nhà làm việc BCHQS xã Hà Môn, Ngọc Wang.*

- Đất an ninh (CAN): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 57,2ha; kết quả thực hiện đạt 52,9 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 4,3 ha, đạt 92,5% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Cơ sở làm việc Công an huyện Đăk Hà; nhà làm việc công an các xã, thị trấn.*

- Đất cụm công nghiệp (SKN): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 102,6ha; kết quả thực hiện đạt 53,1 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được

duyet 49,5 ha, đạt 51,8% so với chỉ tiêu được duyệt do công trình *Mở rộng khu công nghiệp Đăk La* chưa thực hiện.

- Đất thương mại dịch vụ (TMD): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 12,5ha; kết quả thực hiện đạt 4,5 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 8,0 ha đạt 36,0% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi; cửa hàng xăng dầu Phương Nam.*

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (SKC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 77,5ha; kết quả thực hiện đạt 61,5 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 16,0 ha, đạt 79,3% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu - công ty cổ phần tập đoàn Ma Vin; Mở rộng Cơ sở thu mua chế biến bời lời tại thôn 1 xã Đăk La; Cơ sở thu mua chế biến nông sản tại xã Đăk Pxi.*

- Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 3ha; kết quả thực hiện đạt 3,0 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sứ (SKX): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 84,7ha; kết quả thực hiện đạt 51,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 33,0 ha, đạt 61,1% so với chỉ tiêu được duyệt do các công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: *Mỏ đá Đăk La (diện tích quy hoạch thời kỳ 2021-2030: 70 ha); Đất làm VLXDTT (Đất san lấp) số hiệu BS 29 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 161 - biểu 10CH của phường án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mỏ đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 3ha); Đất làm VLXDTT (Đất san lấp) số hiệu BS 30 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 160 - biểu 10CH của phường án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mỏ đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 5,5ha).*

- Đất phát triển hạ tầng (DHT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 4.513,6ha; kết quả thực hiện đạt 4.431,1 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 82,5 ha, đạt 98,2%; chi tiết từng loại đất cụ thể như sau:

+ Đất giao thông (DGT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 1.041,3ha; kết quả thực hiện đạt 1.013,3 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 28,0 ha, đạt 97,3% so với chỉ tiêu được duyệt do công trình *Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà* chưa thực hiện.

+ Đất thủy lợi (DTL): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 956,7ha; kết quả thực hiện đạt 906,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 50,0 ha, đạt 94,8% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất cơ sở văn hóa (DVH): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 2,1ha; kết quả thực hiện đạt 1,5 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,6 ha, đạt 69,5% so với chỉ tiêu kế hoạch.

+ Đất cơ sở y tế (DYT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 5,0ha; kết quả thực hiện đạt 5,0 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 65,5ha; kết quả thực hiện đạt 64,9 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,6 ha, đạt 99,1% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất cơ sở thể dục thể thao (DTT): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 30,2ha; kết quả thực hiện đạt 27,6 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,6 ha, đạt 91,5% so với chỉ tiêu được duyệt do diện tích đất thể thao trong các khu dân cư và công trình chưa thực hiện: *Khu thể thao thôn Kon Brông; Khu thể thao thôn 7.*

+ Đất công trình năng lượng (DNL): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 2.299,1ha; kết quả thực hiện đạt 2.299,0 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất công trình bưu chính viễn thông (DBV): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 1,1ha; kết quả thực hiện đạt 1,1 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất di tích lịch sử văn hóa (DDT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 3,4ha; kết quả thực hiện đạt 3,4 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 5,2ha; kết quả thực hiện đạt 5,2 ha, đạt 100,0% chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất tôn giáo tôn giáo (TON): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 13,6ha; kết quả thực hiện đạt 13,4 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,2 ha, đạt 98,4% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 88,2ha; kết quả thực hiện đạt 88,2 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu được duyệt.

+ Đất chợ (DCH): Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất 2023 được phân bổ xét duyệt 2,2ha; kết quả thực hiện đạt 1,8 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,4 ha, đạt 81,8% so với chỉ tiêu được duyệt, do phần diện tích đất chợ đầu mối thuộc Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà chưa thực hiện.

- Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 15,5ha; kết quả thực hiện đạt 15,7 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,2 ha, đạt 101,4% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 6,9ha; kết quả thực hiện đạt 4,7 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 2,2 ha, đạt 67,5% so với chỉ tiêu được duyệt do phần diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng thuộc Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà chưa thực hiện.

- Đất ở tại nông thôn (ONT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 657,0ha; kết quả thực hiện đạt 631,2 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt là 25,8 ha, đạt 96,1% so với chỉ tiêu được duyệt do các dự án chưa thực hiện như: *Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà; Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok);*

Đầu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân lập B và thôn Kon Hnông Yôp, Xã Đăk Hring.

- Đất ở tại đô thị (ODT): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 210,4ha; kết quả thực hiện đạt 206,4 ha, thấp hơn so với chỉ tiêu được duyệt 4,0 ha, đạt 98,1% so với chỉ tiêu được.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 11,6ha; kết quả thực hiện đạt 11,9 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,3 ha, đạt 102,6% so với chỉ tiêu được duyệt do công trình chưa thực hiện trong năm kế hoạch: Nhà làm việc công an xã Đăk Long, xã Hà Mòn, xã Ngọc Réo, xã Đăk Ngọc (*lấy từ đất xây dựng trụ sở cơ quan*).

- Đất xây dựng trụ sở các cơ quan sự nghiệp (DTS): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 2,5ha; kết quả thực hiện đạt 2,5 ha, đạt 101,2% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 711,3ha; thực hiện đạt 711,5 ha, cao hơn so với chỉ tiêu được duyệt 0,2 ha, đạt 100,0% so với chỉ tiêu được duyệt.

- Đất mặt nước chuyên dùng (MNC): Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 49,9ha; thực hiện đạt 49,9 ha, đạt 100% so với chỉ tiêu được duyệt.

1.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Chỉ tiêu được duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 2023 là 2.908,8ha; kết quả thực hiện 2.925,1 ha, còn 16,2 ha chưa chuyển sang mục đích khác, diện tích đất chưa sử dụng đạt 100,6% so với chỉ tiêu được duyệt.

2. Các dự án đã được phê duyệt trong Kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp đề nghị hủy bỏ:

Ủy ban nhân dân huyện đã rà soát các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp là 10 công trình, dự án, trong đó: đề nghị chuyển tiếp 09 công trình, dự án (*lý do: 09 dự án đã được triển khai thực hiện một phần các hạng mục của dự án nhưng chưa hoàn thiện, tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện trong năm 2024*) và đề nghị hủy bỏ 01 công trình (*dự án cửa hàng xăng dầu xã Đăk Pxi*); cụ thể như sau:

Tổng hợp các dự án đã được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất 3 năm liên tiếp:

STT	Hạng mục	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Kế hoạch thực hiện			Căn cứ pháp lý
					Năm 2024	Điều chỉnh	Hủy bỏ	
1	Nhà làm việc công an xã Đăk Mar	CAN	0,1	Xã Đăk Mar	x			Nghị quyết 12/NQ-ĐUCA ngày 25/7/2022 của Đảng ủy Công an Trung ương; Công văn số 3801/BCA-H01 ngày 01/11/2022 của Bộ Công an; Công văn số 3740/CAT-PH10 ngày 30/11 của Công an tỉnh Kon Tum
2	Nhà làm việc công an xã Hà Mòn	CAN	0,1	Xã Hà Mòn	x			
3	Nhà làm việc công an xã Ngọc Wang	CAN	0,15	xã Ngọc Wang	x			
4	Nhà làm việc BCHQS xã Hà Mòn	CQP	0,1	Xã Hà Mòn	x			

STT	Hạng mục	Loại đất QH	Diện tích (ha)	Địa điểm	Kế hoạch thực hiện			Căn cứ pháp lý
					Năm 2024	Điều chỉnh	Hủy bỏ	
	Mòn							
5	Nhà làm việc BCHQS xã Ngọc Wang	CQP	0,1	xã Ngọc Wang	x			
6	Mở rộng Cơ sở thu mua chế biến bời lời tại thôn 1 xã Đăk La	SKC	0,5	Xã Đăk La	x			Nhu cầu của hộ gia đình - có đơn đăng ký kèm theo
7	Cửa hàng xăng dầu xã Đăk Pxi	TMD	0,11	Xã Đăk Pxi			x	Đề nghị hủy bỏ
8	Cửa hàng xăng dầu Phương Nam	TMD	0,33	Xã Đăk La	x			Sở Kế hoạch - đầu tư đã thẩm định tại Văn bản số 22/SKHĐT-DN ngày 05/01/2022 Về dự án Cửa hàng xăng dầu Phương Nam 2 do DNTT Phương Nam đề xuất
9	Đấu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân lập B và thôn Kon Hnông Yốp, xã Đăk Hring	ONT	3,57	Xã Đăk Hring	x			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND huyện Đăk Hà; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà;
10	Đấu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Đông tại thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring	ONT	4,52	Xã Đăk Hring	x			Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 29/4/2022 của HĐND huyện Đăk Hà; Nghị quyết 50/NQ-HĐND ngày 16/12/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Đăk Hà;

3. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện KHSD đất năm 2023.

Việc triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện ngoài những thành tựu đạt được còn có những tồn tại ảnh hưởng đến chất lượng cũng như hiệu quả thực hiện các kế hoạch sử dụng đất của huyện đã đề ra. Cụ thể những nguyên nhân sau:

- Những công trình dự án được hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua danh mục chậm không thực hiện do nhiều nguyên nhân như giải phóng mặt bằng, bồi thường, san lấp vị trí thực hiện, vốn doanh nghiệp cá nhân không đủ, các dự án

phải thực hiện nhiều thủ tục trong quá trình hoàn thiện dự án, giai đoạn khiến cho công tác thực hiện chậm tiến độ.

- Công tác đăng ký nhu cầu sử dụng đất đưa vào KHSD đất còn nhiều bất cập, một số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng đất chưa tiếp cận được thông tin để đăng ký, nhiều doanh nghiệp chưa chủ động tìm hiểu vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm nên không đăng ký, đến khi làm thủ tục triển khai dự án mới biết và yêu cầu bổ sung.

- Việc chuyển mục đích sử dụng đất sản xuất nông nghiệp cho các mục đích phát triển công nghiệp, xây dựng kết cấu hạ tầng và đô thị hoá, hạ tầng kỹ thuật, giao thông thủy lợi ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống nhân dân, việc người dân e ngại giao đất sản xuất nông nghiệp cho các dự án cũng là rào cản làm chậm tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Giá đất bồi thường, giải phóng mặt bằng nhiều khu vực dự án chưa sát với giá thị trường nên dẫn tới người sử dụng đất bị ảnh hưởng bởi các dự án chưa đồng thuận dẫn đến dự án bị chậm tiến độ.

- Do thiếu vốn đầu tư nên phải kéo dài thời gian thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, thủy lợi, văn hóa, giáo dục, khu dân cư, khu đô thị,... đã làm chậm tốc độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

- Các khu dân cư nông thôn vùng sâu vùng xa tồn tại từ lâu đời phần lớn là xây dựng nhà ở theo hướng tự phát, phân bố không hợp lý, đường giao thông khúc khuỷu, hẹp, đi lại khó khăn, lô đất ở méo mó, có lô quá dài hoặc diện tích quá lớn mà không có đường đi dẫn đến sử dụng đất lãng phí. Một số khu dân cư nhỏ lẻ nằm phân tán, gây khó khăn cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Việc đầu tư chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng đòi hỏi vốn đầu tư bồi thường, giải toả lớn trong khi nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới KHSD đất.

- Việc sử dụng đất trong các lĩnh vực lâm nghiệp, du lịch, quốc phòng - an ninh cũng gặp nhiều vướng mắc, do còn có sự chông chéo giữa quy hoạch phát triển của các ngành, hạn chế trong việc phát huy lợi thế của từng lĩnh vực.

- Công tác đo đạc bản đồ đất lâm nghiệp, giao đất giao rừng diễn ra chậm do thiếu vốn đầu tư ảnh hưởng lớn tới tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Cơ chế thúc đẩy đầu tư thực hiện các công trình dự án trong năm kế hoạch còn yếu việc các doanh nghiệp chỉ đăng ký đầu tư rồi chậm thực hiện dự án còn diễn ra phổ biến.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật một số khu vực chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế xã hội đặc biệt là hệ thống giao thông, điện, nước... ảnh hưởng tiến độ giao đất các dự án.

- Công tác phổ biến pháp luật đất đai về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm còn nhiều hạn chế, chưa phổ biến rộng rãi vai trò, tầm quan trọng của việc lập KHSD đất hàng năm đến các chủ sử dụng đất, hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

4. Nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

Thực tế quá trình tổ chức triển khai thực hiện, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã qua trên địa bàn huyện đã đạt được những thành quả nhất định trong giai đoạn đầu. Quá trình sử dụng đất đã dựa trên những quan điểm khai thác sử dụng triệt để quỹ đất đai, đảm bảo sử dụng hợp lý và hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với quan điểm phát triển chung của huyện. Tuy nhiên, qua phân tích kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch cho thấy một số chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện được đã vượt và không đạt so với chỉ tiêu kế hoạch (đã nêu cụ thể ở phần kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023). Bên cạnh đó, đã có một số công trình, dự án phát sinh nằm ngoài, kế hoạch dẫn đến một số chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất đã không còn phù hợp. Nguyên nhân chính của những tồn tại nêu trên là:

- Chất lượng của công tác công tác lập, trình thẩm định và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 còn chậm và chưa sát được với nhu đăng ký của các bên cơ quan. Thời gian hoàn thiện phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023 quá muộn để triển khai các công trình, dự án.

- Đơn vị tư vấn trong quá trình lập chưa có sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan nhà nước, các cá nhân có nhu cầu thực tế cần sử dụng đất trong năm kế hoạch 2023.

- Với cơ quan nhà nước trong quá trình quản lý tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2023 còn thiếu sự chỉ đạo, thiếu đánh giá cụ thể với từng danh mục đăng ký như về vốn, thời gian thực hiện, năng lực thực hiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký. Nhiều nguồn lực lại tập trung vào những vấn đề khác như:

- + Mọi nguồn lực của huyện đều tập trung cho công tác xóa đói giảm nghèo, an sinh xã hội, nguồn vốn đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật đều hạn chế do thiếu vốn.

- + Do một số chính sách về đất đai thay đổi như đầu tư, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... gặp không ít khó khăn thời gian kéo dài giá đất bồi thường chưa thực sự sát với giá đất thị trường làm ảnh hưởng tiến độ các dự án.

- + Nhu cầu dự báo cao hơn nhu cầu thực tế sử dụng đất của công trình, dự án dẫn đến dôi dư quỹ đất trong quá trình thực hiện.

- + Do ảnh hưởng của thị trường bất động sản đang bị đóng băng các khu vực dự kiến bán đấu giá quyền sử dụng đất ở nông thôn, đất ở đô thị đạt kết quả thấp, không hết diện tích đưa ra đấu giá.

- + Do một số chính sách về đất đai thay đổi, công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư... gặp không ít khó khăn thời gian kéo dài làm ảnh hưởng tiến độ các dự án.

Phần III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2024

Nội dung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện Đăk Hà được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 luật Đất đai năm 2013 (*được sửa đổi bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch*) nhằm đảm bảo là căn cứ xác định vị trí, diện tích đất phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án sử dụng đất vào mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2024 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại Điều 46, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (*sửa đổi, bổ sung Khoản 9 Điều 49 Luật Đất đai năm 2013*) thì khi kết thúc thời kỳ quy hoạch sử dụng đất mà các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất chưa thực hiện hết thì vẫn được tiếp tục thực hiện đến khi quy hoạch sử dụng đất thời kỳ tiếp theo được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, thực trạng phát triển kinh tế xã hội; hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Hà; căn cứ vào mục tiêu, định hướng của tỉnh trong giai đoạn quy hoạch 2021-2030 là phát huy mọi tiềm năng, lợi thế, nguồn lực, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo để xây dựng tỉnh Kon Tum trở thành một trong những tỉnh trung bình khá của cả nước và tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh Kon Tum đặt mục tiêu trở thành một trung tâm phát triển quan trọng trong vùng Tây Nguyên và hành lang kinh tế Đông - Tây, kết nối với các nước tiểu vùng sông Mê Kông và trở thành điểm quan trọng trong ngã tư kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây cũng như mục tiêu của huyện Đăk Hà và thể hiện sự phù hợp với các quy hoạch khác trên địa bàn huyện. Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đáp ứng được nhu cầu về đất đai để phát triển các ngành kinh tế, đạt hiệu quả đồng bộ cả 03 lợi ích: Kinh tế, xã hội và môi trường dựa trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

1. Nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực.

Các chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 2024 được xây dựng trên cơ sở các công trình dự án chuyển tiếp trong kế hoạch sử dụng đất 2023 và các công trình dự án đăng ký mới năm 2024 của các xã, thị trấn thuộc huyện Đăk Hà, các cơ quan đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân làm cơ sở đánh giá nhu cầu sử dụng đất trong năm Kế hoạch như sau:

Dựa trên cơ sở phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, các nguồn tài nguyên, thực trạng phát triển của các ngành kinh tế - xã hội, hiện trạng và xu hướng biến động sử dụng đất; căn cứ vào các mục tiêu, định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội của huyện năm 2024; trên cơ sở các dự báo, tính toán về nhu cầu, định hướng sử

dụng đất của các ngành, các lĩnh vực và tiềm năng đất đai có thể đáp ứng (về số lượng, chất lượng) trên các địa bàn ... Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được xây dựng nhằm đáp ứng các nhu cầu về đất đai (đảm bảo sử dụng tiết kiệm, khoa học, hợp lý và có hiệu quả) cho hiện tại và tương lai để phát triển các ngành kinh tế (với biện pháp ưu tiên phát triển các ngành, các lĩnh vực mũi nhọn, có ưu thế); là cơ sở để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm; đảm bảo sự thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện, đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội (đạt hiệu quả đồng bộ cả 3 lợi ích về kinh tế, xã hội và môi trường). Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện được xây dựng với tinh thần luôn bám sát và xuyên suốt vấn đề này theo phương châm đón đầu, chuẩn bị sẵn việc đáp ứng các nhu cầu về đất đai khi cần thiết.

1.1. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực nông nghiệp.

Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp năm 2024 tại các xã như: Xã Đăk Long, Ngọc Wang, Ngọc Réo, Đăk Ui, Đăk Pxi, Đăk Hring, Đăk Mar,... có nhu cầu sử dụng khoảng 310,9 ha để chuyển đổi trong nội bộ đất nông nghiệp là 179,9ha; đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng mục đích nông nghiệp là 7,6 ha để thực hiện công tác đấu giá thuê đất nông nghiệp, thu hồi đất, cho thuê đất như: dự án trồng rừng; dự án đất nông nghiệp khác của hộ gia đình cá nhân (dự án chăn nuôi, trang trại...) thu hồi đất của các Công ty nông lâm nghiệp bàn giao về địa phương quản lý; Dự án: Tổ hợp chăn nuôi, trồng trọt và chế biến thực phẩm xuất khẩu tại địa bàn xã Ngọc Réo; đấu giá QSD đất công ích tại xã Đăk La, Ngọc Wang, thu hồi đất và giao đất của theo nhu cầu của các cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, bên cạnh cấp huyện đã xác định để thực hiện các công trình dự án thuộc đất phi nông nghiệp là 322,0ha; trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đăk Hà đất nông nghiệp giảm 301,7 ha để thực hiện công trình dự án thuộc đất phi nông nghiệp.

1.2. Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân năm 2024 lĩnh vực phi nông nghiệp.

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của huyện, giải quyết nhu cầu đất ở, đất công nghiệp - tiêu thụ công nghiệp - dịch vụ tập trung, xây dựng cơ sở hạ tầng và các cơ sở, đất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024 tổng diện tích đất phi nông nghiệp: 6.622,1 ha, chiếm 7,8% tổng diện tích tự nhiên, tăng 322,0 ha so với hiện trạng sử dụng đất năm 2023 do chuyển từ đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng sang đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong lĩnh vực phi nông nghiệp năm 2024, cụ thể như sau:

+ Nhu cầu đất quốc phòng của Ban Chỉ huy quân sự huyện với diện tích 108,6 ha, tăng thêm 100,2 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Nhà làm việc Ban Chỉ huy quân sự các xã Ngọc Wang, Hà Mòn, trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum tại xã Đăk Pxi.

+ Nhu cầu đất an ninh của công an tỉnh, huyện với diện tích 57,3 ha tăng thêm 4,4 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Nhà làm việc công an của 11 xã, thị trấn theo Nghị quyết của Đảng ủy Bộ Công an và trụ sở công an huyện - cơ sở 2.

+ Nhu cầu đất cụm công nghiệp với diện tích 83,1 ha tăng thêm 30,0 ha để Mở rộng Cụm công nghiệp Đăk La nhằm đáp ứng nhu cầu đầu tư.

+ Nhu cầu đất thương mại dịch vụ của tổ chức, hộ gia đình cá nhân với diện tích 12,4 ha tăng thêm 7,9 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Khu du lịch sinh thái khai thác Đăk Pe; cửa hàng thu mua nông sản ...

+ Nhu cầu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp của tổ chức, hộ gia đình cá nhân với diện tích 76,8 ha tăng thêm 15,2 ha để xây dựng các cơ sở sản xuất chế biến nông sản của các hộ gia đình cá nhân,....

+ Nhu cầu đất của các doanh nghiệp để khai thác vật liệu xây dựng với diện tích 93,5 ha tăng thêm 41,7 để thực hiện các dự án sử dụng đất như: Đấu giá các mỏ đất san lấp, mở rộng mỏ đá Đăk La....

+ Nhu cầu sử dụng đất của UBND huyện, UBND xã, các cơ quan đơn vị đóng chân trên địa huyện để đầu tư xây dựng các công trình dự án phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã với diện tích 4.524,0 ha tăng thêm 92,9 ha để thực hiện các dự án sử dụng đất như các tuyến đường giao thông, đập thủy lợi Đăk Cấm, trường học, trạm y tế ,....

+ Nhu cầu đất ở nông thôn chuyển mục đích, giao đất có thu tiền, đấu giá của hộ gia đình cá nhân với diện tích 661,4 ha tăng thêm 30,2 ha để thực hiện các dự án: đấu giá các thửa đất nhỏ lẻ do Nhà nước quản lý, thực hiện các đề án khai thác quỹ đất để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các xã Đăk Hring, Đăk Ngok, Đăk Mar; dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của Nhân dân ...

+ Nhu cầu đất ở đô thị đấu giá, chuyển mục đích, giao đất của hộ gia đình cá nhân với diện tích 212,3 ha, tăng thêm 6,0 ha (*thực hiện các dự án: đấu giá các thửa đất nhỏ lẻ do Nhà nước quản lý, Giao đất có thu tiền các thửa đất nhỏ hẹp, chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của Nhân dân ...*)

+ Nhu cầu của các đơn vị cơ quan trên địa bàn huyện để xây dựng trụ sở cơ quan với diện tích 11,1 ha, chuyển 0,8 ha sang mục đích sử dụng khác (*thực hiện các dự án: Trụ sở làm việc Chi cục Thống kê, chi cục thi hành án dân sự huyện ...*).

2. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất.

Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch 2024 xác định dựa trên danh mục dự án được phê duyệt thực hiện trong năm 2023 nhưng chưa thực hiện chuyển sang thực hiện trong năm 2024 và dự án đăng ký mới thực hiện trong năm 2024, đối với dự án đăng ký mới đã bổ sung văn bản pháp lý đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; Có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại theo quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 46 Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ các loại bản đồ chuyên ngành và đánh giá tiềm năng đất đai của huyện và từ quỹ đất chưa sử dụng; bản đồ quy hoạch thủy lợi và quy hoạch giao thông, các ngành khác; cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, nhu cầu đất ở nông thôn và đô thị hoá; xử lý sự chồng chéo nhu cầu sử dụng đất của các ngành; khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng đất trong kế

hoạch năm 2024.

Ngoài ra các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2024 đã rà soát đối chiếu các chỉ tiêu sử dụng đất của huyện phù hợp với các chỉ tiêu sử dụng đất được UBND tỉnh Kon Tum phân bổ trong Quy hoạch tỉnh Kon Tum thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Tờ trình số 190/TTr-UBND ngày 19/12/2023 trình Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (*kèm theo phụ biểu số 05*).

Với các cơ sở và mục tiêu nêu trên, phương án kế hoạch sử dụng đất năm 2024 và phân bổ sử dụng đất đai cụ thể cho từng mục đích sử dụng trên địa bàn huyện trong năm 2024, được xây dựng như sau:

Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện đến năm 2024 là: 84.503,8ha; trong đó:

- Đất nông nghiệp: 74.976,9 ha, chiếm 88,8% tổng diện tích tự nhiên, giảm 301,7 so với năm 2023.

- Đất phi nông nghiệp: 6.622,1 ha, chiếm 7,8% tổng diện tích tự nhiên, tăng 322,0 tăng so với năm 2023.

- Đất chưa sử dụng: 2.904,8 ha, chiếm 3,4% tổng diện tích tự nhiên; giảm 20,3 ha so với năm 2023.

Biểu 4: Chỉ tiêu sử dụng đất trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính (ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch sử dụng đất 2024		
				Năm 2024	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-)	Tỷ lệ (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		84.503,8	84.503,8		100
1	Đất nông nghiệp	NNP	75.278,5	74.976,8	-301,7	88,8
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.292,1	2.282,4	-9,7	2,7
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>2.225,1</i>	<i>2.215,4</i>	<i>-9,7</i>	<i>2,6</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.679,3	8.489,8	-189,5	10,1
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.986,1	24.991,1	5,0	29,7
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.252,6	16.252,6	0,0	19,2
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	546,6	546,6	0,0	0,6
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	22.245,7	21.995,8	-249,9	26,0
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,5	237,5	0,0	0,3
1.8	Đất làm muối	LMU				
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	38,7	181,1	142,5	0,2
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.300,1	6.622,1	322,0	7,8
2.1	Đất quốc phòng	CQP	8,4	108,6	100,2	0,1
2.2	Đất an ninh	CAN	52,9	57,3	4,4	0,1
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK				
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	53,1	83,1	30,0	0,1
2.5	Đất thương mại dịch vụ	TMD	4,5	12,4	7,9	0,01
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	61,6	76,8	15,2	0,1
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,0	3,0	0,0	0,004
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	51,8	93,5	41,7	0,1

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Kế hoạch sử dụng đất 2024		
				Năm 2024	So sánh	
					Tăng(+), giảm(-)	Tỷ lệ (%)
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.431,1	4.524,0	92,9	5,4
-	Đất giao thông	DGT	1.013,3	1.046,6	33,3	1,2
-	Đất thủy lợi	DTL	906,7	964,8	58,1	1,1
-	Đất cơ sở văn hóa	DVH	1,5	1,7	0,3	0,002
-	Đất cơ sở y tế	DYT	5,0	5,1	0,1	0,01
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	64,9	65,5	0,6	0,1
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	27,6	27,7	0,1	0,03
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.299,0	2.299,0	0,0	2,7
-	Đất công trình bưu chính VT	DBV	1,1	1,1	0,0	0,001
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				-
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	3,4	3,4	0,0	0,004
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,2	5,2	0,0	0,006
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,4	13,5	0,1	0,016
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	88,2	88,2	0,0	0,1
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	0,0	0,0		
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	DXH	0,0	0,0		
-	Đất chợ	DCH	1,8	2,2	0,4	0,003
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,0	0,0		-
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,7	15,7	0,0	0,02
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,7	6,7	2,0	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	631,2	661,4	30,2	0,8
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	206,3	212,3	6,0	0,3
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,9	11,1	-0,8	0,01
2.16	Đất xây dựng trụ của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,5	2,4	-0,2	0,003
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN				
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	711,5	703,9	-7,7	0,8
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,9	49,9	0,0	0,1
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK				
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.925,1	2.904,8	-20,3	3,4

Biểu 5: Chỉ tiêu sử dụng đất phân theo đơn vị hành chính trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024

Đơn vị tính (ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH SDD năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã										
				Xã Đăk Long	Xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngọk	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Mòn	Xã Ngọk Wang	Xã Ngọk Réo	TT Đăk Hà
I	Loại đất		84.503,8	6.029,5	26.505,8	6.777,6	4.500,5	3.672,1	9.580,2	5.056,2	3.805,5	6.313,4	10.715,7	1.547,4
1	Đất nông nghiệp	NNP	74.976,8	5.024,7	24.496,2	6.170,9	3.505,1	3.092,7	8.568,2	4.315,4	2.517,6	5.911,4	10.363,3	1.011,3
	<i>Trong đó</i>													
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2.282,4	116,2	138,3	121,8	62,1	285,0	286,3	628,1	27,8	147,5	227,5	241,7
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	2.215,4	115,0	138,3	103,6	59,4	281,9	285,2	594,5	24,9	143,4	227,5	241,7
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	8.489,8	1.172,3	1.364,2	450,5	125,2	326,0	1.402,8	182,9	12,0	1.166,3	2.287,5	0,2
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	24.991,1	1.595,3	1.445,5	3.611,5	2.365,7	2.120,2	1.324,7	3.417,8	2.430,9	3.977,5	1.947,6	754,2
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	16.252,6		13.948,7	222,4	283,6	99,6	1.417,0				281,4	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	546,6				546,6							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	21.995,8	2.122,0	7.596,7	1.721,5	88,5	231,9	4.121,6	43,9		594,0	5.475,7	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	237,5	6,7	2,8	43,2	22,2	28,7	15,6	39,3	33,7	22,4	7,6	15,2
1.8	Đất làm muối	LMU												
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	181,1	12,2			11,3	1,2	0,1	3,5	13,2	3,7	136,0	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.622,1	359,8	739,6	460,0	987,2	530,6	312,6	713,6	1.287,9	386,7	308,5	535,8
2.1	Đất quốc phòng	CQP	108,6		100,0		3,0				0,1	4,8		0,7
2.2	Đất an ninh	CAN	57,3	0,2	0,1	0,1	0,1	0,1	0,1	51,0	1,6	0,2	0,1	3,8
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK												
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	83,1				37,2			45,9				
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,4	0,2	6,3	1,5	0,6	0,6	0,2	1,3	0,3	0,2		1,2
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	76,8		0,8	2,3	9,9			20,2	8,3	0,3	15,2	19,8

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH SDD năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã										
				Xã Đăk Long	Xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngok	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Môn	Xã Ngok Wang	Xã Ngok Réo	TT Đăk Hà
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,0			3,0								
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	93,5	2,6	6,3	10,5		3,3		70,8				
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.524,0	237,0	452,4	229,4	792,0	437,7	189,7	389,2	1.166,9	241,4	131,3	257,1
	<i>Trong đó</i>													
-	Đất giao thông	DGT	1.046,6	68,1	117,8	92,3	97,4	75,9	58,3	118,6	99,2	97,4	66,6	155,1
-	Đất thủy lợi	DTL	964,8	21,4	5,0	24,8	63,8	325,9	112,0	172,1	55,3	128,9	46,4	9,4
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1,7		0,3						0,3		0,1	1,0
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,1	0,7	0,2	0,3	0,1	0,5	0,2	0,2	0,2	0,8	0,2	1,7
-	Đất XD cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	65,5	4,1	4,8	8,1	6,1	2,5	4,5	5,9	2,9	4,6	2,1	20,0
-	Đất XD cơ sở thể dục thể thao	DTT	27,7	1,9	1,4	3,8	3,2	1,3	1,8	2,6	0,1	2,3	2,5	6,6
-	Đất công trình năng lượng	DNL	2.299,0	132,2	315,0	89,1	615,9	22,7		72,7	990,2		0,1	61,3
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,1		0,0	0,2		0,2				0,3	0,1	0,2
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG												
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,4						0,2	1,1	2,1			
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	5,2								5,2			
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	13,5		1,5		3,4		1,6	5,1		1,1	0,4	0,4

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích KH SDD năm 2024 (ha)	Phân theo đơn vị hành chính cấp xã										
				Xã Đăk Long	Xã Đăk Pxi	Xã Đăk Hring	Xã Đăk Mar	Xã Đăk Ngọk	Xã Đăk Ui	Xã Đăk La	Xã Hà Mòn	Xã Ngọk Wang	Xã Ngọk Réo	TT Đăk Hà
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	88,2	8,7	6,1	10,5	2,1	8,9	11,1	10,8	11,4	5,8	12,8	0,2
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH												
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH												
-	Đất chợ	DCH	2,2	0,4	0,3							0,3		1,2
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL												
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	15,7	0,6	0,8	0,8	0,9	3,1	1,0	1,0	1,7	0,7	1,8	3,5
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,7	0,9	2,0			0,4	0,1	0,4	0,8			2,0
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	661,4	28,2	36,6	124,2	114,7	49,4	44,2	94,1	89,6	51,1	29,3	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	212,3											212,3
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	11,1	1,2	0,3	0,6	0,9	1,4	0,6	0,4	0,8	0,7	0,5	3,6
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,4		0,0	0,3		0,2	0,1	0,0	1,0	0,1		0,7
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG												
2.18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN												
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	703,9	89,0	133,7	87,3	16,5	28,4	74,2	30,1	4,2	86,6	128,5	25,6
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	49,9		0,1		11,6	6,0	2,5	9,3	12,5	0,5	1,8	5,6
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK												
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.904,8	645,0	1.270,0	146,6	8,2	48,8	699,4	27,2		15,3	43,9	0,4

*** Chi tiết các loại đất như sau:**

2.1. Đất nông nghiệp (NNP):

Đất nông nghiệp hiện trạng năm 2023 là 75.285,5ha; đến năm 2024 diện tích đất nông nghiệp là 74.976,9 ha chiếm 88,8% tổng diện tích tự nhiên; giảm 301,7 ha so với hiện trạng năm 2023; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 74.638,5ha; diện tích thực tăng là 340,4 ha diện tích thực giảm là 642,1ha do chuyển sang mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 5.024,7ha; xã Đăk Pxi: 24.496,2ha; xã Đăk Hring: 6.170,9ha; xã Đăk Mar: 3.505,1ha; xã Đăk Ngọc: 3.092,7ha; xã Đăk Ui: 8.568,2ha; xã Đăk La: 4.315,4ha; xã Hà Mòn: 2.517,6ha; xã Ngọc Wang: 5.911,4; xã Ngọc Réo: 10.363,3ha; thị trấn Đăk Hà: 1.011,3 ha.

Trong đó: chi tiết từng loại đất nông nghiệp như sau:

2.1.1. Đất trồng lúa (LUA):

Đất trồng lúa: Hiện trạng năm 2023 là 2.292,1ha, đến năm 2024 diện tích là 2.282,4 ha chiếm 2,7% tổng diện tích tự nhiên; giảm 6,7ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.276,4ha;

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 6,7ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất phát triển hạ tầng 5,1 ha (*xã Ngọc Wang, Ngọc Réo, Đăk Pxi, Đăk Ngọc và thị trấn Đăk Hà*); đất ở tại nông thôn 1,6 ha (*xã Đăk Ngọc*).

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 116,2ha; xã Đăk Pxi: 138,3ha; xã Đăk Hring: 121,8ha; xã Đăk Mar: 62,1ha; xã Đăk Ngọc: 285,0ha; xã Đăk Ui: 286,3ha; xã Đăk La: 628,1ha; xã Hà Mòn: 27,8ha; xã Ngọc Wang: 147,5ha; xã Ngọc Réo: 227,5ha; thị trấn Đăk Hà: 241,7 ha.

2.1.2. Đất trồng cây hàng năm khác (HNK):

Đất trồng cây hàng năm khác: Hiện trạng năm 2023 là 8.679,3 ha, đến năm 2024 diện tích là 8.489,8 ha chiếm 10,0% tổng diện tích tự nhiên; giảm 192,5 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 8.495,8ha;

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 192,5ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: Đất trồng cây lâu năm là: 20,1ha; đất nông nghiệp khác là: 113,3ha; đất quốc phòng là: 13,0ha; đất cụm công nghiệp là: 1,0ha; đất thương mại dịch vụ là: 2,3ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 7,5ha; đất làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là: 0,9ha; đất phát triển hạ tầng là: 30,2ha; đất ở tại nông thôn 4,3 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: xã Đăk Long: 1.172,3ha; xã Đăk Pxi: 1.364,2ha; xã Đăk Hring: 450,5ha; xã Đăk Mar: 125,2ha; xã Đăk Ngọc: 326,0ha; xã Đăk Ui: 1.402,8ha; xã Đăk La: 182,9ha; xã Hà Mòn: 12,0ha; xã Ngọc Wang: 1.166,3ha; xã Ngọc Réo: 2.287,5ha; thị trấn Đăk Hà: 0,2 ha.

2.1.3. Đất trồng cây lâu năm (CLN):

Đất trồng cây lâu năm: Hiện trạng năm 2023 là 24.986,1 ha, đến năm 2024 diện tích là 24.991,1 ha chiếm 29,6% tổng diện tích tự nhiên; giảm 5,0 ha, so với hiện trạng năm 2023; trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 24.793,2ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 197,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sau: đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang là: 20,1ha; đất rừng sản xuất chuyển sang là 172,5ha; đất chưa sử dụng chuyển sang là: 5,3 ha.

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 192,9ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất nông nghiệp khác là: 17,8ha; đất quốc phòng là: 11,1ha; đất an ninh là: 3,3ha; đất cụm công nghiệp là: 29,0ha; đất thương mại dịch vụ là: 2,6ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là: 8,4ha; đất cơ sở vật liệu xây dựng làm đồ gốm là: 40,0ha; đất phát triển hạ tầng là: 47,3ha; đất sinh hoạt cộng đồng là 0,1ha; đất khu vui chơi giải trí công cộng là: 2,0ha; đất ở tại nông thôn là: 24,3ha; đất ở tại đô thị là: 6,9 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1.595,3ha; xã Đăk Pxi: 1.445,5ha; xã Đăk Hring: 3.611,5ha; xã Đăk Mar: 2.365,7ha; xã Đăk Ngok: 2.120,2ha; xã Đăk Ui: 1.324,7ha; xã Đăk La: 3.417,8ha; xã Hà Môn: 2.430,9ha; xã Ngok Wang: 3.977,5ha; xã Ngok Réo: 1.947,6ha; thị trấn Đăk Hà: 754,2 ha.

2.1.4. Đất rừng phòng hộ (RPH):

Đất rừng phòng hộ: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 16.252,6 ha chiếm 19,2% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 13.948,7ha; xã Đăk Hring: 222,4 ; xã Đăk Mar: 283,6ha; xã Đăk Ngok: 99,6ha; xã Đăk Ui: 1.417,0 ; xã Ngok Réo: 281,4 ha.

2.1.5. Đất rừng đặc dụng (RDD):

Đất rừng đặc dụng: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 546,6 ha chiếm 0,6% tổng diện tích tự nhiên (*toàn bộ diện tích thuộc xã Đăk Mar*).

2.1.6. Đất rừng sản xuất (RSX):

Đất rừng sản xuất: Hiện trạng năm 2023 là 22.245,7 ha, đến năm 2024 diện tích là 21.995,8 ha chiếm 26,0% tổng diện tích tự nhiên; giảm 249,9 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 21.995,8ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 249,9ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất sau: đất trồng cây lâu năm là 172,5ha; đất nông nghiệp khác là 7,4ha; đất quốc phòng là: 64,1ha; đất thương mại dịch vụ là: 1,0ha; đất phát triển hạ tầng là: 4,9 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 2.122,0ha; xã Đăk Pxi: 7.596,7ha; xã Đăk Hring: 1.721,5ha; xã Đăk Mar: 88,5ha; xã Đăk Ngok: 231,9ha; xã Đăk Ui: 4.121,6ha; xã Đăk La: 43,9ha; xã Ngok Wang: 594,0ha; xã Ngok Réo: 5.475,7 ha.

2.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản (NTS):

Đất nuôi trồng thủy sản: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 237,5

ha chiếm 0,3% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 6,7ha; xã Đăk Pxi: 2,8ha; xã Đăk Hring: 43,2ha; xã Đăk Mar: 22,2 ; xã Đăk Ngok: 28,7ha; xã Đăk Ui: 15,6ha; xã Đăk La: 39,3ha; xã Hà Mòn: 33,7ha; xã Ngok Wang: 22,4ha; xã Ngok Réo: 7,6ha; thị trấn Đăk Hà: 15,2 ha.

2.1.8. Đất nông nghiệp khác (NKH):

Đất nông nghiệp khác: Hiện trạng năm 2023 là 38,7 ha, đến năm 2024 diện tích là 181,1 ha chiếm 0,2% tổng diện tích tự nhiên; tăng 142,5 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 38,7ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 142,5ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 113,3ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 17,8ha; đất rừng sản xuất chuyển sang là 7,4ha; đất chưa sử dụng chuyển sang 2,3 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất nông nghiệp khác để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

Bảng 6: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất nông nghiệp khác

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Hệ thống chăn nuôi gia cầm, thủy cầm	NKH	50,00		50,00	HNK, CLN, RSX, DGT,DTL, CSD	Xã Ngok Réo
Hệ thống chăn nuôi heo	NKH	86,00		86,00	HNK, CLN, RSX, DGT,DTL, CSD	Xã Ngok Réo
Đất nông nghiệp khác xã Đăk La: Trang trại chăn nuôi ông Nguyễn Quang Thịnh	NKH	1,50		1,50	CLN	Xã Đăk La
Đất nông nghiệp khác xã Đăk La (bà Nguyễn Thị Thanh Thảo)	NKH	0,10		0,10	CLN	Xã Đăk La
Dự án chăn nuôi yếm tại thôn Đăk Tin, xã Đăk Ngok	NKH	0,10		0,10	CLN	Xã Đăk Ngok
Dự án sản xuất nông nghiệp công nghệ cao (Trồng nấm, sâm các loại, đinh lăng và một số cây nông nghiệp khác) tại thôn 1, xã Hà Mòn của ông Nguyễn Văn Ngói	NKH	4,20		4,20	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác của ông Vũ Văn Bao tại xã Hà Mòn	NKH	0,04		0,04	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác của ông Đinh Văn Tuấn	NKH	0,04		0,04	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác của bà Nguyễn Thị Thìn	NKH	0,10		0,10	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác của ông	NKH				CLN	Xã Hà

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Phạm Văn Thông		0,10		0,10		Mòn
Đất nông nghiệp khác của ông Nguyễn Đan Thùy	NKH	0,10		0,10	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác của ông Đinh Quang Duy	NKH	0,05		0,05	CLN	Xã Hà Mòn
Đất nông nghiệp khác tại xã Hà Mòn: Dự án chăn nuôi của hộ gia đình của Đinh Văn Tâm tại thửa đất 14, tờ bản đồ 7, bản đồ giải thửa năm 2001	NKH	0,13		0,13	HNK	Xã Hà Mòn

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 12,2ha; xã Đăk Mar: 11,3ha; xã Đăk Ngọc: 1,2ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Đăk La: 3,5ha; xã Hà Mòn: 13,2ha; xã Ngọc Wang: 3,7ha; xã Ngọc Réo: 136,0 ha.

2.2. Đất phi nông nghiệp (PNN):

Đất phi nông nghiệp hiện trạng năm 2023 là 6.300,1 ha, đến năm 2024 diện tích 6.622,1 ha chiếm 7,8% tổng diện tích tự nhiên; tăng 322,0 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó: Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 6.296,5ha; diện tích thực tăng là 322,8ha; diện tích thực giảm là 1,6 ha.

-Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 359,8ha; xã Đăk Pxi: 739,7ha; xã Đăk Hring: 460,0ha; xã Đăk Mar: 987,2ha; xã Đăk Ngọc: 530,6ha; xã Đăk Ui: 312,6ha; xã Đăk La: 713,6ha; xã Hà Mòn: 1.287,8ha; xã Ngọc Wang: 386,7ha; xã Ngọc Réo: 308,5ha; thị trấn Đăk Hà: 535,8 ha.

Trong đó: chi tiết từng loại đất nông nghiệp như sau:

2.2.1. Đất quốc phòng (CQP):

Đất quốc phòng: Hiện trạng năm 2023 là 8,4, đến năm 2024 diện tích là 108,6 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 100,2 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 8,4ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 100,2ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 13,0ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 11,1ha; đất rừng sản xuất chuyển sang 64,1ha; đất chưa sử dụng chuyển sang 11,8ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,2 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất Quốc phòng để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 7: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất quốc phòng

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Nhà làm việc BCHQS xã Hà Mòn	CQP	0,10		0,10	TSC	Xã Hà Mòn

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Quy hoạch đất quốc phòng - Công trình: trường bắn, thao trường huấn luyện số 2/ Ban chỉ huy quan sự huyện Đăk Hà/Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Kon Tum	CQP	100,00		100,00	CLN, RSX, HNK	Xã Đăk Pxi
Nhà làm việc BCHQS xã Ngọc Wang	CQP	0,10		0,10	TSC	Xã Ngọc Wang

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 100,0ha; xã Đăk Mar: 3,0ha; xã Hà Mòn: 0,1ha; xã Ngọc Wang: 4,8ha; thị trấn Đăk Hà: 0,7 ha.

2.2.2. Đất an ninh (CAN):

Đất an ninh: Hiện trạng năm 2023 là 52,9 ha, đến năm 2024 diện tích là 57,3 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 4,4 ha, so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 52,9ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 4,4ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây lâu năm chuyển sang 3,3ha; đất sinh hoạt cộng đồng chuyển sang 0,2ha; đất xây dựng trụ sở cơ quan chuyển sang 0,5 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất an ninh để thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng năm 2024, bao gồm:

Bảng 8: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất an ninh

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Nhà làm việc công an xã Đăk La	CAN	0,19	0,04	0,15	DGD	Xã Đăk La
Nhà làm việc công an xã Đăk Hring	CAN	0,13		0,13	CLN	Xã Đăk Hring
Nhà làm việc công an xã Đăk Long	CAN	0,19		0,19	TSC	Xã Đăk Long
Nhà làm việc công an xã Đăk Mar	CAN	0,10		0,10	CSD	Xã Đăk Mar
Nhà làm việc công an xã Đăk Ngọc	CAN	0,10		0,10	TSC	xã Đăk Ngọc
Nhà làm việc công an xã Đăk Pxi	CAN	0,12		0,12	DSH	Xã Đăk Pxi
Nhà làm việc công an xã Đăk Ui	CAN	0,10		0,10	DSH	Xã Đăk Ui
Nhà làm việc công an xã Hà Mòn	CAN	0,10		0,10	TSC	Xã Hà Mòn
Nhà làm việc công an xã Ngọc Réo	CAN	0,10		0,10	TSC	xã Ngọc Réo
Nhà làm việc công an xã Ngọc Wang	CAN	0,15		0,15	CLN	Xã Ngọc Wang
Nhà làm việc công an thị trấn Đăk Hà	CAN	0,17		0,17	DSH	Thị trấn Đăk Hà
Cơ sở làm việc Công an huyện Đăk Hà(cơ sở 2)	CAN	3,00		3,00	CLN	Thị trấn Đăk Hà

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,2ha; xã Đăk Pxi: 0,1ha; xã Đăk Hring: 0,1ha; xã Đăk Mar: 0,1ha; xã Đăk Ngok: 0,1ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Đăk La: 51,0 ; xã Hà Mòn: 1,6ha; xã Ngok Wang: 0,2ha; xã Ngok Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 3,8 ha.

2.2.3. Đất cụm công nghiệp (SKN):

Đất cụm công nghiệp: Hiện trạng năm 2023 là 53,1 ha, đến năm 2024 diện tích là 83,1 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 30,0 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 53,1ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 30,0ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất gồm: Đất trồng cây hàng năm chuyển sang 1,0ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 29,0 ha để mở rộng cụm công nghiệp Đăk La.
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Mar: 37,2ha; xã Đăk La: 45,9 ha.

2.2.4. Đất thương mại dịch vụ (TMD):

Đất thương mại dịch vụ: Hiện trạng năm 2023 là 4,5 ha, đến năm 2024 diện tích là 12,4 ha chiếm 0,0% tổng diện tích tự nhiên; tăng 7,9 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,5ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 7,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 2,3ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 2,6ha; đất rừng sản xuất chuyển sang 1,0ha; đất ở tại nông thôn chuyển sang ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 9: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất thương mại - dịch vụ

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Cửa hàng xăng dầu Phương Nam (ông Vũ Quang Nam đăng ký)	TMD	0,33		0,33	CLN	Xã Đăk La
Đất thương mại dịch vụ xã Đăk La: Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới (ông Nguyễn Văn Minh đăng ký tại thửa đất 11, tờ bản đồ 05A bản đồ đo đạc giải thửa - năm 1998)	TMD	0,32		0,32	CLN	Xã Đăk La
Cửa hàng thu mua nông sản của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nam - Vị trí 1	TMD	0,50		0,50	CLN	Xã Đăk Pxi
Cửa hàng thu mua nông sản của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Nam - Vị trí 2	TMD	0,80		0,80	CLN	Xã Đăk Pxi
Hợp tác xã du lịch công đồng BAZANA do ông Hồ Thanh Việt đăng ký - Dự án làng du lịch cộng đồng Kon Trang Long Loi, thôn Long Loi, thị trấn Đăk Hà gần	TMD	0,10		0,10	CLN	Xã Hà Mòn

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
với khai thác phát triển du lịch lòng hồ thủy điện Plei Krông (thuộc địa giới xã Hà Mòn)						
Khu du lịch sinh thái thác Đăk Pe, xã Đăk Pxi (Tổ hợp thương mại, dịch vụ, du lịch) - Đơn đăng ký của ông Vũ Văn Ngàn	TMD	5,1		5,1	HNK, CLN	Xã Đăk Pxi
Cửa hàng xăng dầu Đức Trí (chuyển mục đích từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp sang đất thương mại dịch vụ; Đầu nối giao thông) - Đơn đăng ký ông Võ Văn Nhiệm	TMD	0,12	0,04	0,08	SKC	Xã Đăk Hring
Cửa hàng xăng dầu Ánh Nguyệt Phát (chuyển mục đích từ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, sang đất thương mại dịch vụ) - Đơn đăng của bà Võ Thị Nguyệt Ánh) thửa 15a, 15b, 18 tờ bản đồ 09 (bản đồ giải thửa năm 2001; thửa 1278 tờ 27)	TMD	0,60		0,60	SKC	Xã Đăk La

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,2ha; xã Đăk Pxi: 6,3ha; xã Đăk Hring: 1,5ha; xã Đăk Mar: 0,6ha; xã Đăk Ngok: 0,6ha; xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 1,3ha; xã Hà Mòn: 0,3ha; xã Ngok Wang: 0,2ha; thị trấn Đăk Hà: 1,2 ha.

2.2.5. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC):

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Hiện trạng năm 2023 là 61,6 ha, đến năm 2024 diện tích là 76,8 ha chiếm 0,1%, tổng diện tích tự nhiên; tăng 15,2 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 60,9ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,7ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất thương mại dịch vụ.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 15,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất gồm: Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 7,5ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 8,4 ha.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 10: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Nhà máy chế biến thức ăn gia súc	SKC	5,00		5,00	HNK, CLN	Xã Ngok Réo
Nhà máy sản xuất phân hữu cơ	SKC	5,00		5,00	HNK, CLN	
Hệ thống giết mổ và chế biến thực phẩm	SKC	5,00		5,00	HNK, CLN	

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Cơ sở sản xuất than Hoa tại thôn 13 xã Đăk Hring	SKC	0,50		0,50	CLN	Xã Đăk Hring
Mở rộng Cơ sở thu mua chế biến bời lời tại thôn 1 xã Đăk La	SKC	0,50	0,20	0,30	CLN	Xã Đăk La
Cơ sở thu mua chế biến nông sản tại xã Đăk Pxi (<i>hộ gia đình ông Trần Ngọc Sang, thửa đất 144, tờ bản đồ 18</i>)	SKC	0,10		0,10	CLN	Xã Đăk Pxi
Trụ sở Trung tâm Môi trường và Dịch vụ đô thị huyện Đăk Hà (chuyên đổi Trung tâm Môi trường và dịch vụ đô thị huyện Đăk Hà thành công ty cổ phần)	SKC	0,50	0,50		SKC	Thị trấn Đăk Hà
Nhà máy nước sạch thị trấn Đăk Hà	SKC	0,55	0,55		SKC	Xã Đăk Ngọc

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 0,8ha; xã Đăk Hring: 2,3ha; xã Đăk Mar: 9,9ha; xã Đăk La: 20,2ha; xã Hà Mòn: 8,3ha; xã Ngọc Wang: 0,3ha; xã Ngọc Réo: 15,2ha; thị trấn Đăk Hà: 19,8 ha.

2.2.6. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS):

Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 3,0 ha (*thuộc xã Đăk Hring*).

2.2.7. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm (SKX):

Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: Hiện trạng năm 2023 là 51,8 ha, đến năm 2024 diện tích là 93,5 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 41,7 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 51,8ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 40,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa chuyển sang 0,9ha; đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 0,9ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 40,0ha; đất chưa sử dụng chuyển sang 0,8 ha.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 11: Công trình; dự án thuộc chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Mỏ đá Đăk La (diện tích quy hoạch thời kỳ 2021-2030: 70 ha)	SKX	70,00	40,00	30,00	CLN, RSX, SKC, DGT, DTL, CSD	Xã Đăk La

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Dự án đầu tư khai thác và chế biến khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại thôn 1B, xã Đăk La, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum, do Công ty TNHH Công nghệ Thương mại Thành Trung	SKX	6,47		6,47	CLN	Xã Đăk La
Đất làm VLXDĐT (Đất san lấp) số hiệu BS 29 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 161 - biểu 10CH của phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mô đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 3ha)	SKX	3,00		3,00	CLN	Xã Đăk Hring
Đất làm VLXDĐT (Đất san lấp) số hiệu BS 30 tại thôn Kon Mong, xã Đăk Hring ring (mục 160 - biểu 10CH của phương án Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2023: Mô đất phục vụ san lấp xã Đăk Hring với diện tích 5,5ha)	SKX	4,69		4,69	HNK,CLN	Xã Đăk Hring
Đất san lấp phục vụ đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật: Đường từ Tỉnh lộ 671 (thôn 1 Hà Mòn) đến đường Lê Hồng Phong (Trung tâm Dạy nghề huyện)	SKX	3,25		3,25	CLN	Xã Đăk Ngok
Dự án: khai thác khoáng sản cát, cuội, sạn, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại điểm mỏ số 3, thôn 7, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum (chuyển quyền khai thác khoáng sản - phục vụ thuê đất)	SKX	3,25	3,25		SKX	Xã Đăk Pxi
Sân công nghiệp Khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường (vị trí 3 thôn Kon Pao Kơ La số hiệu 115)	SKX	0,28	0,28		SKX	Xã Đăk Pxi

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 2,6ha; xã Đăk Pxi: 6,3ha; xã Đăk Hring: 10,5ha; xã Đăk Ngok: 3,3ha; xã Đăk La: 70,8 ha.

2.2.8. Đất phát triển hạ tầng (DHT):

- Đất phát triển hạ tầng hiện trạng năm 2023 là 4.431,1 ha, đến năm 2024 diện tích là 4.524,0 ha chiếm 5,4% tổng diện tích tự nhiên; tăng 92,9 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó: Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4.425,3ha; diện tích thực tăng là 98,7ha; diện tích thực giảm là 5,8 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 237,0ha; xã Đăk Pxi: 452,4ha; xã Đăk Hring: 229,4ha; xã Đăk Mar: 792,0ha; xã Đăk Ngok: 437,7ha; xã Đăk Ui: 189,7ha; xã Đăk La: 389,2ha; xã Hà Mòn: 1.166,9ha; xã Ngok Wang: 241,4ha; xã Ngok Réo: 131,3ha; thị trấn Đăk Hà: 257,1 ha.

*** Trong đó các loại đất chi tiết như sau:**

a. Đất giao thông (DGT):

Đất giao thông: Hiện trạng năm 2023 là 1.013,3 ha đến năm 2024 diện tích là 1.046,6 ha chiếm 1,2% tổng diện tích tự nhiên; tăng 33,3 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1.008,7ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 4,6ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất như: Đất nông nghiệp khác 0,8ha; đất thủy lợi 3,8 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 37,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa nước là 2,7ha; đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 8,3ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 20,9 ha, đất rừng sản xuất chuyển sang 4,4ha; đất ở tại đô thị chuyển sang 1,0ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối chuyển sang 0,6 ha.
- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giao thông thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 12: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giao thông

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Dự án: Đường từ Quốc lộ 40B huyện Tu Mơ Rông đi thôn 8, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	DGT	18,83		18,83	LUC;HNK, CLN, RSX	Xã Đăk Pxi
Đường từ Tỉnh lộ 671 (thôn 1, xã Hà Mòn) đến đường Lê Hồng Phong (Trung tâm Dạy nghề huyện).	DGT	11,80	4,01	7,79	LUC, HNK, CLN, ODT	Thị trấn Đăk Hà
Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Ngok Wang	DGT	5,30	2,50	2,80	HNK, CLN, SON	Xã Ngok Wang, Đăk Ngok
Nâng cấp tuyến đường liên xã Đăk Ngok đi xã Đăk Ui	DGT	4,40	2,00	2,40	LUC, HNK, CLN	Xã Đăk Ui, Đăk Ngok
Đường Nguyễn Trãi, thị trấn Đăk Hà	DGT	1,70	-	1,70	CLN; ONT	Thị trấn Đăk Hà
Đường vào chùa Khánh Phước	DGT	0,04		0,04	CLN, ONT	Xã Đăk La

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 68,1ha; xã Đăk Pxi: 117,8ha; xã Đăk Hring: 92,3ha; xã Đăk Mar: 97,4ha; xã Đăk Ngok: 75,9ha; xã Đăk Ui: 58,3ha; xã Đăk La: 118,6ha; xã Hà Mòn: 99,2ha; xã Ngok Wang: 97,4ha; xã Ngok Réo: 66,6ha; thị trấn Đăk Hà: 155,1 ha.

b. Đất thủy lợi (DTL):

Đất thủy lợi: Hiện trạng năm 2023 là 906,7ha, đến năm 2024 diện tích là 964,8 ha chiếm 1,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 58,1 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 905,9ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,8ha; diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 0,8 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 58,9ha; diện tích tăng do chuyển từ các loại đất sang gồm: Đất trồng lúa chuyển sang 2,4ha; đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang 21,9ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 24,6 ha, đất rừng sản xuất 0,5 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối chuyển sang 5,8 ha, đất giao thông chuyển sang 3,8 ha để thực hiện dự án Nâng cấp Đập thủy lợi Đăk Cẩm tại xã Ngọc Wang.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 21,4ha; xã Đăk Pxi: 5,0ha; xã Đăk Hring: 24,8ha; xã Đăk Mar: 63,8ha; xã Đăk Ngọc: 325,9ha; xã Đăk Ui: 112,0ha; xã Đăk La: 172,1ha; xã Hà Mòn: 55,3ha; xã Ngọc Wang: 128,9ha; xã Ngọc Réo: 46,4ha; thị trấn Đăk Hà: 9,4 ha.

c. Đất cơ sở văn hóa (DVH):

Đất cơ sở văn hóa: Hiện trạng năm 2023 là 1,5, đến năm 2024 diện tích là 1,7ha; tăng 0,3 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1,5ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,3ha; diện tích tăng do đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,3 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: xã Đăk Pxi: 0,3ha; xã Đăk Hring: 0,3ha; xã Hà Mòn: 0,3ha; xã Ngọc Réo: 0,1ha; trấn Đăk Hà: 1,0 ha.

d. Đất cơ sở y tế (DYT):

Đất cơ sở y tế: Hiện trạng năm 2023 là 5,0 ha, đến năm 2024 diện tích là 5,1ha; tăng 0,1 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,9ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,1 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,2ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,2 ha để thực hiện các công trình trạm y tế xã Đăk Pxi.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,7ha; xã Đăk Pxi: 0,2ha; xã Đăk Hring: 0,3ha; xã Đăk Mar: 0,1ha; xã Đăk Ngọc: 0,5ha; xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 0,2ha; xã Hà Mòn: 0,2ha; xã Ngọc Wang: 0,8ha; xã Ngọc Réo: 0,2ha; thị trấn Đăk Hà: 1,7 ha.

e Đất cơ sở giáo dục - đào tạo (DGD):

Đất cơ sở giáo dục - đào tạo: Hiện trạng năm 2023 là 64,9 ha, đến năm 2024 diện tích là 65,5 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; tăng 0,6 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 64,7ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2 ha do chuyển sang đất công an để xây dựng Nhà làm việc Công an xã Đăk La.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,7ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,7ha; đất ở tại đô thị chuyển sang 0,0 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giáo dục thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 13: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất giáo dục, đào tạo

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Điểm trường mẫu giáo Kon Teo Đăk Lấp	DGD	0,30		0,30	CLN	Xã Đăk Long
Trường mầm non xã Đăk Ui - điểm trường thôn Mnhuô Mriang	DGD	0,20		0,20	CLN	Xã Đăk Ui
Trường mầm non Hòa My (Ông Hoàng Minh Tuấn đăng ký)	DGD	0,06	0,03	0,03	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Trường mầm non Duy Phương	DGD	0,14		0,14	CLN	Thị trấn Đăk Hà
Đất các trường học trên địa bàn huyện (hiện trạng đang sử dụng phục vụ công tác giao đất và cấp Giấy CNQSD đất); trong đó:	DGD	10,09	10,09		DGD	Toàn huyện
<i>Trường Mẫu giáo xã Đăk La gồm 04 vị trí (điểm trường thôn 5, 6, 7)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,86</i>	<i>0,86</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk La</i>
<i>Trường Mẫu giáo Đăk Pxi gồm 5 vị trí (thôn Đăk Wek, Thôn Kon Pao Kơ La (02 điểm), thôn Krong Đuân, Đăk Kơ Đương)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,23</i>	<i>0,23</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Pxi</i>
<i>Trường Mẫu giáo Đăk Ngok gồm 05 điểm trường (điểm trường chính, thôn Thanh Xuân, Đăk Xuân, Đăk Tim, Đăk Lợi)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,34</i>	<i>0,34</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Ngok</i>
<i>Trường Mẫu giáo xã Ngọc Réo gồm 07 vị trí (điểm trường Đăk Têng 1, Đăk Têng 2, thôn Kon Rôn, Kon Rok, Kon Hré, Kon Jong, Kon Bơ Băn)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,20</i>	<i>0,20</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Ngọc Réo</i>
<i>Trường Mẫu giáo xã Ngọc Wang (điểm trường thôn 1)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,04</i>	<i>0,04</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Ngọc Wang</i>
<i>Trường Mẫu giáo xã Đăk Hring gồm 06 vị trí (điểm trường thôn Đăk Klong, Tân lập B, Kon Hông Yốp, Đăk Kang Yốp)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,03</i>	<i>0,03</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Hring</i>
<i>Trường TH Lê Hồng Phong, xã Ngọc Réo- gồm 02 vị trí (điểm trường Kon Rok, Kon Jong)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,14</i>	<i>0,14</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Ngọc Réo</i>
<i>Trường TH Trần Quốc Toản, xã Ngọc Réo (điểm trường Thôn Kon Braih, thôn Đăk Phía, Thôn Kon Stiu)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,19</i>	<i>0,19</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Ngọc Réo</i>
<i>Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Đăk Pxi gồm 4 vị trí (điểm trường chính, điểm trường thôn Kon Pao Kơ La, thôn Đăk Kơ Đương, thôn Krong Đuân)</i>	<i>DGD</i>	<i>1,39</i>	<i>1,39</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Pxi</i>
<i>Trường TH Lê Quý Đôn, thị trấn Đăk Hà</i>	<i>DGD</i>	<i>1,05</i>	<i>1,05</i>		<i>DGD</i>	<i>TT Đăk Hà</i>
<i>Trường TH Bé Văn Đàn, xã Đăk Hring</i>	<i>DGD</i>	<i>0,21</i>	<i>0,21</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Hring</i>
<i>Trường TH Lê Đình Chinh, xã Đăk La gồm 04 vị trí (gồm: Điểm trường chính, thôn 9, thôn 10 - 02 điểm)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,50</i>	<i>0,50</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk La</i>
<i>Trường TH Lê Văn Tám, thị trấn Đăk Hà (điểm trường thôn Long Lợi)</i>	<i>DGD</i>	<i>0,13</i>	<i>0,13</i>		<i>DGD</i>	<i>TT Đăk Hà</i>
<i>Trường THCS Chu Văn An, thị trấn Đăk Hà</i>	<i>DGD</i>	<i>0,13</i>	<i>0,13</i>		<i>DGD</i>	<i>TT Đăk Hà</i>
<i>Thư viện huyện Đăk Hà</i>	<i>DGD</i>	<i>0,13</i>	<i>0,13</i>		<i>DGD</i>	<i>TT Đăk Hà</i>
<i>Trường THCS Đăk Hring, xã Đăk Hring</i>	<i>DGD</i>	<i>0,44</i>	<i>0,44</i>		<i>DGD</i>	<i>Xã Đăk Hring</i>
<i>Trường THCS Nguyễn Tất Thành, thị trấn Đăk Hà</i>	<i>DGD</i>	<i>0,73</i>	<i>0,73</i>		<i>DGD</i>	<i>TT Đăk Hà</i>

Hạng mục	Mã loại đất kế hoạch	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
				Diện tích	Mã đất	
Trường THCS xã Đăk La, gồm 02 vị trí (gồm điểm trường chính, điểm trường thôn 9)	DGD	2,13	2,13		DGD	Xã Đăk La
Trường TH-THCS Xã Đăk Long, xã Đăk Long	DGD	1,22	1,22		DGD	Xã Đăk Long

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 4,1ha; xã Đăk Pxi: 4,8ha; xã Đăk Hring: 8,1ha; xã Đăk Mar: 6,1ha; xã Đăk Ngọk: 2,5ha; xã Đăk Ui: 4,5ha; xã Đăk La: 5,9ha; xã Hà Mòn: 2,9ha; xã Ngọk Wang: 4,6ha; xã Ngọk Réo: 2,1ha; thị trấn Đăk Hà: 20,0 ha.

g. Đất cơ sở thể dục - thể thao (DTT):

Đất cơ sở thể dục - thể thao: Hiện trạng năm 2023 là 27,6 ha, đến năm 2024 diện tích là 27,7ha; tăng 0,1 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 27,5ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,3ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,3 ha để thực hiện các công trình, dự án: Khu thể thao thôn Kon Brông và trong các dự án phát triển quỹ đất, đầu tư hạ tầng.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1,9ha; xã Đăk Pxi: 1,4ha; xã Đăk Hring: 3,8ha; xã Đăk Mar: 3,2ha; xã Đăk Ngọk: 1,3ha; xã Đăk Ui: 1,8ha; xã Đăk La: 2,6ha; xã Hà Mòn: 0,1ha; xã Ngọk Wang: 2,3ha; xã Ngọk Réo: 2,5ha; thị trấn Đăk Hà: 6,6 ha.

h. Đất công trình năng lượng (DNL):

Đất công trình năng lượng: Hiện trạng năm 2023 là 2.299,0 ha, đến năm 2024 diện tích là 2.299,0 ha chiếm 2,7% tổng diện tích tự nhiên; giữ nguyên so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 132,2ha; xã Đăk Pxi: 315,0ha; xã Đăk Hring: 89,1ha; xã Đăk Mar: 615,9ha; xã Đăk Ngọk: 22,7ha; xã Đăk La: 72,7ha; xã Hà Mòn: 990,2ha; xã Ngọk Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 61,3 ha.

i. Đất bưu chính viễn thông (DBV):

- Đất công trình bưu chính viễn thông: Trong kỳ kế hoạch diện tích đất giữ nguyên là 1,1 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Hring: 0,2ha; xã Đăk Ngọk: 0,2ha; xã Ngọk Wang: 0,3ha; xã Ngọk Réo: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 0,2 ha.

k. Đất có di tích lịch sử văn hóa (DDT):

Đất có di tích lịch sử văn hóa: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 3,4 ha so với hiện trạng năm 2023.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Ui: 0,2ha; xã Đăk La: 1,1ha; xã Hà Mòn: 2,1 ha.

l. Đất bãi thải, xử lý chất thải (DRA):

Đất bãi thải, xử lý chất thải: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 5,2 ha không thay đổi so với năm hiện trạng 2023 (*thuộc xã Hà Môn*).

m. Đất tôn giáo (TON):

Đất tôn giáo: Hiện trạng năm 2023 là 13,4ha; đến năm 2024 diện tích là 13,5ha; tăng 0,1 ha so với năm hiện trạng 2023.

- Diện tích không thay đổi mục đích trong kế hoạch là 13,4ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0,1 ha do nhận chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 0,1ha;
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 1,5ha; xã Đăk Mar: 3,4ha; xã Đăk Ui: 1,6ha; xã Đăk La: 5,1ha; xã Ngọc Wang: 1,1ha; xã Ngọc Réo: 0,4ha; thị trấn Đăk Hà: 0,4 ha.

n. Đất nghĩa trang, nghĩa địa (NTD):

Đất nghĩa trang, nghĩa địa: Hiện trạng năm 2023 là 88,2ha; đến năm 2024 là 88,2 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên; giữ nguyên hiện trạng so với năm hiện trạng 2023. Trong đó:

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 8,7ha; xã Đăk Pxi: 6,1ha; xã Đăk Hring: 10,5ha; xã Đăk Mar: 2,1ha; xã Đăk Ngọc: 8,9ha; xã Đăk Ui: 11,1ha; xã Đăk La: 10,8ha; xã Hà Môn: 11,4ha; xã Ngọc Wang: 5,8ha; xã Ngọc Réo: 12,8ha; thị trấn Đăk Hà: 0,2 ha.

o. Đất chợ (DCH):

Đất chợ: Hiện trạng năm 2023 là 1,8 ha, đến năm 2024 diện tích là 2,2 ha, tăng 0,4 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 1,8ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,4ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,4 ha.
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 0,4ha; xã Đăk Hring: 0,3ha; xã Ngọc Wang: 0,3ha; thị trấn Đăk Hà: 1,2 ha.

2.2.9. Đất sinh hoạt cộng đồng (DSH):

- Đất sản sinh hoạt cộng đồng: Hiện trạng năm 2023 là 15,7 ha, đến năm 2024 diện tích là 15,7 ha. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 15,5ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2 ha do chuyển sang đất an ninh (*làm trụ sở công an xã Đăk Ui và xã Đăk Pxi*) là 0,2 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0,2; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm chuyển sang 0,1 ha và đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 0,1 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,6ha; xã Đăk Pxi: 0,8ha; xã Đăk Hring: 0,8ha; xã Đăk Mar: 0,9ha; xã Đăk Ngọc: 3,1ha; xã Đăk Ui: 1,0ha; xã Đăk La: 1,0ha; xã Hà Môn: 1,7ha; xã Ngọc Wang: 0,7ha; xã Ngọc Réo: 1,8ha; thị trấn Đăk Hà: 3,5 ha.

2.2.10. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng (DKV):

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Hiện trạng năm 2023 là 4,7 ha, đến năm 2024 diện tích là 6,7ha; tăng 2,0 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 4,7ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 2,0ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 2,0 ha.

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 0,9ha; xã Đăk Pxi: 2,0ha; xã Đăk Ngok: 0,4ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Đăk La: 0,4ha; xã Hà Môn: 0,8ha; thị trấn Đăk Hà: 2,0 ha.

2.2.11. Đất ở tại nông thôn (ONT):

- Đất ở tại nông thôn: Hiện trạng năm 2023 là 631,2 ha, đến năm 2024 diện tích là 661,4 ha chiếm 0,8% tổng diện tích tự nhiên; tăng 30,2 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 631,2ha;

- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0 ha.

- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 30,2ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa sang 1,6 ha, đất trồng cây hàng năm chuyển sang 4,3ha; đất trồng cây lâu năm chuyển sang 24,3ha; đất trụ sở cơ quan chuyển sang 0,1 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại nông thôn thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 14: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại nông thôn

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk La	3,30		3,30	ONT	xã Đăk La
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Hring	0,30		0,30	ONT	Xã Đăk Hring
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Long	0,40		1,00	ONT	Xã Đăk Long
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Mar	3,70		2,20	ONT	Xã Đăk Mar
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ngok	3,00		2,00	ONT	xã Đăk Ngok
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Pxi	0,16		1,00	ONT	Xã Đăk Pxi

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Đăk Ui	0,50		1,00	ONT	Xã Đăk Ui
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Hà Mòn	0,55		1,50	ONT	Xã Hà Mòn
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngọc Réo	0,10		1,00	ONT	xã Ngọc Réo
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân xã Ngọc Wang	1,40		1,00	ONT	xã Ngọc Wang
Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Đăk Hring đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0,06	0,06	-	ONT	Xã Đăk Hring
Đấu giá QSD đất sạch do UBND huyện Đăk Hà quản lý, thửa đất số 931 tờ 34 dọc Quốc lộ 14	0,02	0,02		ONT	xã Đăk La
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thôn 1, xã Đăk La	0,01	0,01	-	ONT	xã Đăk La
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Đăk Mar	0,03	0,03		ONT	Xã Đăk Mar
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại xã Hà Mòn	0,02	0,02	-	ONT	Xã Hà Mòn
Đấu giá QSD đất do Nhà nước quản lý tại xã Ngọc Wang đã đấu giá năm 2020 nhưng khách hàng không nộp tiền	0,15	0,15	-	ONT	xã Ngọc Wang
Đấu giá QSD đất ở và tài sản gắn liền với đất tại vị trí đất nhà ở bác sỹ được UBND tỉnh điều chuyển cho UBND huyện quản lý, sử dụng.	0,04	0,04		ONT	Xã Đăk Mar
Đấu giá QSD đất ở và tài sản gắn liền với đất tại nhà khách huyện	0,08		0,08	ONT	Xã Đăk Mar
Đấu giá QSĐĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731 (thửa đất số 12 tờ bản đồ 69), tại thôn 3, đường Trường Chinh	0,01	0,01	-	ONT	Xã Hà Mòn

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đầu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía tây Quốc lộ 14 tại thôn Tân lập B và thôn Kon Hnông Yốp, xã Đăk Hring	3,40	-	3,40	ONT	Xã Đăk Hring
Đầu giá QSD đất - Dự án Đầu tư kết cấu hạ tầng để phát triển quỹ đất khu vực phía Đông tại thôn Tân Lập B, xã Đăk Hring	4,52	-	4,52	ONT	Xã Đăk Hring
Dự án Khai thác quỹ đất phía Tây đường chính trung tâm xã Đăk Ngok, huyện Đăk Hà (thôn Đăk Bình, xã Đăk Ngok)	1,96		1,96	ONT	Xã Đăk Ngok
Đất ở tại nông thôn (các lô đất ở gia đình) - Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung tại thôn Kon Pao Kơ La, xã Đăk Pxi, huyện Đăk Hà	7,20		7,20	ONT	Xã Đăk Pxi

- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 28,2ha; xã Đăk Pxi: 36,6ha; xã Đăk Hring: 124,2ha; xã Đăk Mar: 114,7ha; xã Đăk Ngok: 49,4ha; xã Đăk Ui: 44,2ha; xã Đăk La: 94,1ha; xã Hà Mòn: 89,6ha; xã Ngok Wang: 51,1ha; xã Ngok Réo: 29,3 ha.

2.2.12. Đất ở tại đô thị (ODT):

Đất ở tại đô thị: Hiện trạng năm 2023 là 206,3 ha, đến năm 2024 diện tích là 212,3 ha chiếm 0,3% tổng diện tích tự nhiên; tăng 6,0 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 205,3ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 1,0 ha do chuyển sang đất giao thông 1,0ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 7,0ha; diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm sang 6,9ha; đất xây dựng tổ chức sự nghiệp chuyển sang 0,1 ha.

- Danh mục công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại đô thị thực hiện trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024, bao gồm:

Bảng 15: Công trình, dự án thuộc chỉ tiêu đất ở tại đô thị

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất ở theo nhu cầu nhân dân thị trấn Đăk Hà	6,90		6,90	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất nhỏ lẻ được phân lô tạo vốn từ tại đường Nguyễn Thượng Hiền, Tổ dân phố 2B, thị trấn Đăk Hà	0,17	0,17	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà

Hạng mục	Diện tích KH	Diện tích HT	Tăng thêm		Địa điểm
			Diện tích	Mã đất	
Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Hai Bà Trưng, thị trấn Đăk Hà	0,13	0,13	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại khu E, tổ dân phố 7, thị trấn Đăk Hà	0,24	0,24		ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSDĐ đối với một số vị trí đất sạch do UBND thị trấn quản lý tại Khu vực đường QH số 1- TDP 7	0,15	0,15		ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSDĐ đối với diện tích đất phi nông nghiệp được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH MTV cà phê 731, tại TDP 2B, thị trấn Đăk Hà	0,06	0,06	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSDĐ đối với thửa đất do UBND huyện quản lý tại đường Quang Trung, thị trấn Đăk Hà	0,03	0,03		ODT	Thị trấn Đăk Hà
Giao đất có thu tiền sử dụng đất đối với các vị trí nhỏ hẹp không tạo thành thửa đất do UBND huyện quản lý tại thị trấn Đăk Hà (gồm 11 vị trí)	0,10	0,10	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá đất nhỏ hẹp thuộc quỹ đất tạo vốn do UBND thị trấn quản lý tại thị trấn Đăk Hà (04 vị trí)	0,03	0,03	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Giao đất ở phần diện tích do điều chỉnh hành lang an toàn giao thông tại thị trấn Đăk Hà (tại đường Hùng Vương, đường Hoàng Thị Loan, đường Nguyễn Bình Khiêm)	0,18	0,18	-	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSD đất và tài sản gắn liền với đất trạm y tế thị trấn cũ	0,07		0,07	ODT	Thị trấn Đăk Hà
Đầu giá QSD đất và tài sản gắn liền với Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp	0,05		0,05	ODT	Thị trấn Đăk Hà

- Toàn diện tích đất ở đô thị thuộc thị trấn Đăk Hà.

2.2.13. Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC):

Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Hiện trạng năm 2023 là 11,9 ha, đến năm 2024 diện tích là 11,1 ha chiếm 0,0% tổng diện tích tự nhiên; giảm 0,8 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 11,1ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,8 ha do chuyển sang đất công an là 0,5ha; đất quốc phòng là 0,2ha; đất ở tại nông thôn 0,1 ha.
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 1,2ha; xã Đăk Pxi: 0,3ha; xã Đăk Hring: 0,6ha; xã Đăk Mar: 0,9ha; xã Đăk Ngok: 1,4ha; xã

Đăk Ui: 0,6ha; xã Đăk La: 0,4ha; xã Hà Mòn: 0,8ha; xã Ngọk Wang: 0,7ha; xã Ngọk Réo: 0,5ha; thị trấn Đăk Hà: 3,6 ha.

2.2.14. Đất xây dựng trụ sở các cơ quan sự nghiệp (DTS):

Đất xây dựng trụ sở cơ quan sự nghiệp: Hiện trạng năm 2023 là 2,5ha; đến năm 2024 diện tích là 2,4 ha chiếm 0,0% tổng diện tích tự nhiên; giảm 0,2 ha so với năm hiện trạng 2023.

- Diện tích không thay đổi diện tích trong năm kế hoạch là 2,4ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 0,2ha; diện tích giảm do chuyển sang các loại đất gồm: đất ở tại đô thị 0,1ha; đất sinh hoạt cộng đồng 0,1 ha.
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Hring: 0,3ha; xã Đăk Ngọk: 0,2ha; xã Đăk Ui: 0,1ha; xã Hà Mòn: 1,0ha; xã Ngọk Wang: 0,1ha; thị trấn Đăk Hà: 0,7 ha.

2.2.15. Đất sông ngòi, kênh, rạch, suối (SON):

Đất sông ngòi, kênh, rạch suối: Hiện trạng năm 2023 là 711,5 ha, đến năm 2024 diện tích là 703,9 ha chiếm 0,8% tổng diện tích tự nhiên; giảm 7,7 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 703,9ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 7,7 ha do chuyển sang các loại đất khác gồm: Đất thương mại dịch vụ 1,3, đất giao thông 0,6ha; đất thủy lợi 5,8ha;
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là: 0 ha.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 89,0ha; xã Đăk Pxi: 133,7ha; xã Đăk Hring: 87,3ha; xã Đăk Mar: 16,5ha; xã Đăk Ngọk: 28,4ha; xã Đăk Ui: 74,2ha; xã Đăk La: 30,1ha; xã Hà Mòn: 4,2ha; xã Ngọk Wang: 86,6ha; xã Ngọk Réo: 128,5ha; thị trấn Đăk Hà: 25,6 ha.

2.2.16. Đất mặt nước chuyên dùng (MNC):

Đất mặt nước chuyên dùng: Trong kỳ kế hoạch diện tích giữ nguyên là 49,9 ha chiếm 0,1% tổng diện tích tự nhiên.

Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Pxi: 0,1ha; xã Đăk Mar: 11,6ha; xã Đăk Ngọk: 6,0ha; xã Đăk Ui: 2,5ha; xã Đăk La: 9,3ha; xã Hà Mòn: 12,5ha; xã Ngọk Wang: 0,5ha; xã Ngọk Réo: 1,8ha; thị trấn Đăk Hà: 5,6 ha.

2.3. Đất chưa sử dụng (CSD):

Đất chưa sử dụng: Hiện trạng năm 2023 là 2.925,1ha, đến năm 2024 diện tích là 2.904,8 ha chiếm 3,4%, tổng diện tích tự nhiên; giảm 20,3 ha so với hiện trạng năm 2023. Trong đó:

- Diện tích không thay đổi mục đích trong năm kế hoạch là 2.908,8ha;
- Diện tích thực giảm trong năm kế hoạch là 20,3ha; diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp 7,6ha; chuyển sang đất phi nông nghiệp 12,7 ha.
- Diện tích thực tăng trong năm kế hoạch là 0ha;
- Diện tích phân bổ theo đơn vị hành chính: Xã Đăk Long: 645,0ha; xã Đăk Pxi: 1.270,0ha; xã Đăk Hring: 146,6ha; xã Đăk Mar: 8,2ha; xã Đăk Ngọk: 48,8 ;

xã Đăk Ui: 699,4ha; xã Đăk La: 27,2ha; xã Ngok Wang: 15,3ha; xã Ngok Réo: 43,9ha; thị trấn Đăk Hà: 0,4 ha.

3. Diện tích đất cần chuyển mục đích sử dụng đất năm 2024:

- Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp năm 2024 là 310,9ha; trong đó:

+ Đất trồng lúa chuyển sang phi nông nghiệp: 9,7 ha.

+ Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang phi nông nghiệp: 56,1 ha.

+ Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 175,1 ha.

+ Đất rừng sản xuất chuyển sang đất phi nông nghiệp: 70,0 ha.

- Diện tích chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp (*đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải là rừng*) là 179,9 ha.

- Diện tích chuyển các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 0,2 ha.

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 07/CH.

4. Diện tích đất cần thu hồi:

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2024 là 169,5 ha, trong đó:

- Thu hồi đất nông nghiệp: 155,1 ha, trong đó:

+ Thu hồi đất trồng lúa: 7,5 ha.

+ Thu hồi đất trồng cây hàng năm khác: 24,6 ha.

+ Thu hồi đất trồng cây lâu năm: 116,1 ha.

+ Thu hồi đất rừng sản xuất: 6,9 ha.

- Thu hồi đất phi nông nghiệp: 14,5 ha, trong đó:

+ Thu hồi đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 0,5 ha.

+ Thu hồi đất phát triển hạ tầng: 6,6 ha.

+ Thu hồi đất ở tại đô thị: 1,0 ha.

+ Thu hồi đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 6,4 ha.

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 08/CH.

5. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kế hoạch 2024:

Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng là 20,3 ha trong đó:

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích nông nghiệp: 7,6ha; trong đó:

+ Diện tích sử dụng vào mục đích đất trồng cây lâu năm là 5,3 ha.

+ Diện tích sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp khác là 2,3 ha.

- Đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp 12,7ha; trong đó:

+ Diện tích sử dụng vào mục đích đất quốc phòng là 11,8 ha.

+ Diện tích sử dụng vào mục đích đất an ninh là 0,1 ha.

+ Diện tích sử dụng vào mục đích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 0,8 ha.

Ghi chú: Chi tiết chia theo các đơn vị cấp xã xem biểu 09/CH

6. Danh mục các công trình, dự án trong năm kế hoạch: Gồm 127 danh mục công trình, dự án.

(Xem chi tiết phụ lục biểu 10 CH).

7. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm kế hoạch sử dụng đất 2024:

- Luật Đất đai số: 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số 28/2017/QH14 ngày 11/11/2017 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 55/2010/QH12 về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp.
- Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị định 01/2018/NĐ-CP ngày 06/01/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Căn cứ Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;
- Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum.
- Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Kon Tum sửa đổi, bổ sung một số điều của quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014.
- Căn cứ Quyết định số 529/2018/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành đơn giá trồng rừng thay thế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 30/2018/QĐ- UBND ngày 30 tháng 10 năm 2018 sửa đổi bổ sung điều 9 của Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 53/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Kon Tum;
- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

7.1. Kết quả thực hiện thu chi ngân sách theo phương án Kế hoạch trong sử dụng đất năm 2023:

- Tổng các khoản chi trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Đăk Hà là 0 đồng; lý do: Trong năm 2023 trên địa bàn huyện không có dự án công trình nào phải sử dụng ngân sách Nhà nước để thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ sản xuất.
- Tổng các khoản thu trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện Đăk Hà đến thời điểm báo cáo ngày 31/11/2023 là 18,8 tỷ đồng; ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 26,15 tỷ đồng; cân đối thu chi là 26,15 tỷ đồng, đạt 20,56%, cụ thể:

+ Nguồn thu từ giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cấp Giấy CNQSD đất đạt 17,72 tỷ đồng; ước thực hiện đến ngày 31/12/2023 là 25,79 tỷ đồng.

+ Nguồn thu từ thuê đất (bao gồm cả tiền thuê đất của các tổ chức nộp ngân sách tỉnh) là 0,36 tỷ đồng.

Bảng tổng thu chi trong năm kế hoạch sử dụng đất

Đơn vị tính: tỷ đồng.

TT	Hạng mục	Kế hoạch phê duyệt	Đến thời điểm báo cáo	Ước thực hiện đến 31/12)	Tỷ lệ (%)
I	Các khoản chi:	235,45	-	-	
II	Các khoản thu (nguồn Chi cục thuế khu vực số 02)	362,65	18,08	26,15	
1	Giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy CNQSD đất	337,00	17,72	25,79	
2	Thuê đất (bao gồm cả tiền thuê đất của các tổ chức, cá nhân)	25,64	0,36	0,36	
*	Cân đối thu chi	127,20	18,08	26,15	20,56

7.2. Dự kiến các khoản thu:

Cơ sở để tính toán các khoản thu trong kế hoạch sử dụng năm 2023 huyện Đăk Hà dựa vào Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022. Do cùng một loại đất nhưng ở nhiều vị trí khác nhau nên đơn giá sẽ khác nhau, nên đơn giá được sử dụng trong báo cáo thuyết minh các khoản thu chi về Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Hà sẽ được tính theo đơn giá trung bình giữa giá đất tại vị trí có đơn giá cao nhất và vị trí có đơn giá thấp nhất trong bảng giá đất theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum. Chi tiết giá đất về các khoản thu như sau:

Đơn giá khi giao đất ở tại nông thôn là 6,53 tỷ đồng/ha (giá đất ở tại nông thôn có đơn giá cao nhất trên địa bàn huyện Đăk Hà thuộc xã Hà Môn thuộc QL 14 đoạn từ giáp ranh đất thị trấn phía nam đến trụ sở trạm bảo vệ thực vật, tại các VT1, VT2 có đơn giá lần lượt là 1,2 triệu đồng/m²; 0,72 triệu đồng/m², giá đất ở tại nông thôn có đơn giá thấp nhất (VT1) là 40 nghìn đồng/m² tại các vị trí còn lại trên địa bàn các xã các khu vực không nằm trong mục đất ở tại nông thôn các xã thuộc huyện Đăk Hà theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum). Vậy giá đất ở tại nông thôn trung bình tại các vị trí trên địa bàn huyện Đăk Hà theo công thức: $(1,2 + 0,72 + 0,04)/3 * 10.000 = 6,53$ tỷ đồng /ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 2,65.

Tương tự như cách tính đơn giá khi giao đất ở tại nông thôn: Đơn giá đất khi giao đất ở tại đô thị là 13,4 tỷ đồng/ha (Giá đất ở tại đô thị có đơn giá cao nhất trên địa bàn thị trấn Đăk Hà thuộc trục đường chính QL 14 đoạn từ Đường Hai Bà Trưng đến đường Hoàng Thị Loan tại các VT1, VT2, VT3 có đơn giá lần lượt là 2,4 triệu đồng/m²; 1,68 triệu đồng/m²; 1,2 triệu đồng/m², giá đất ở tại đô thị có đơn giá

thấp nhất là các vị trí còn lại (các khu vực không nằm trong mục IV-Đất ở tại đô thị huyện Đắk Hà theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum) thuộc khu vực tổ dân phố 4B (Công 3 lỗ) tại VT1 có đơn giá là 90 nghìn đồng/m². Vậy giá đất ở tại đô thị trung bình tại các vị trí trên địa bàn thị trấn Đắk Hà theo công thức: $(2,4+1,68+1,2+0,09)/3*10.000 = 13,4$ tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,5.

Giá đất thương mại dịch vụ ở nông thôn và ở đô thị đều bằng 80% giá đất ở tại có cùng vị trí, hệ số điều chỉnh tính bình quân ở nông thôn 2,65; hệ số điều chỉnh bình quân tại ở đô thị là 1,5; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại dịch vụ ở nông thôn và đô thị đều bằng 80% giá đất ở tại cùng vị trí, hệ số điều chỉnh tính bình quân ở nông thôn 2,65; hệ số điều chỉnh bình quân tại ở đô thị là 1,5; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá đất cho hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, khai thác nguyên liệu để làm vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tại nông thôn là 0,4 tỷ đồng /ha, tại đô thị là 0,55 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh tính bình quân 1,2 theo Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021; thời hạn thuê đất 50 năm.

Giá các loại đất nông nghiệp áp dụng theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và hệ số điều chỉnh áp dụng theo Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022.

*** Tổng các khoản thu dự kiến trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 692,58 tỷ đồng; bao gồm:**

- Thu tiền giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất là 642,99 tỷ đồng; trong đó:

+ Thu tiền sử dụng đất ở tại nông thôn (chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất) = diện tích đất ở tại nông thôn thực hiện trong năm kế hoạch x giá đất ở tại nông thôn x hệ số điều chỉnh: 30,2 ha x 6,53 tỷ đồng/ha x 2,65 = 522,60 tỷ đồng.

+ Thu tiền sử dụng đất ở tại đô thị (chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất) = diện tích đất ở tại đô thị thực hiện trong năm kế hoạch x giá đất ở tại đô thị x hệ số điều chỉnh: 5,99 ha x 13,4 tỷ/ha x 1,5 = 120,40 tỷ đồng.

- Thu từ tiền thuê đất là 49,59 tỷ đồng, trong đó:

+ Thu tiền thuê đất thương mại dịch vụ khu vực nông thôn = diện tích đất thương mại dịch vụ trong năm kế hoạch tại khu vực nông thôn x giá đất thương mại dịch vụ (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm: $(11,19 \text{ ha} \times 5,22 \text{ tỷ/ha} \times 2,65)/50 = 3,10$ tỷ đồng.

+ Thu tiền thuê đất thương mại dịch vụ khu vực đô thị: diện tích đất thương mại dịch vụ trong năm kế hoạch tại khu vực đô thị x giá đất thương mại dịch vụ (80% giá đất ở liền kề) x hệ số /thời hạn thuê đất 50 năm: $(1,21 \text{ ha} \times 10,72 \text{ tỷ/ha} \times 1,5)/50 = 0,39$ tỷ đồng.

+ Thu tiền thuê đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp khu vực nông thôn = Diện tích đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch tại khu vực nông thôn x giá đất cụm công nghiệp, đất

cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm (140,1 ha x 5,22 tỷ/ha x 2,65)/50 =38,80 tỷ đồng.

+ Thu tiền thuê đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp khu vực đô thị = Diện tích đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch tại khu vực đô thị x giá đất cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (80% giá đất ở liền kề) x hệ số/thời hạn thuê đất 50 năm (19,82 ha x 10,72 tỷ/ha x 1,5)/50 =6,37 tỷ đồng.

- Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản (khu vực nông thôn)= diện tích đất cụm công nghiệp, Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp trong năm kế hoạch x giá đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản x hệ số /thời hạn thuê đất 50 năm: (96,45 ha x 0,4 tỷ/ha x 1,2)/50 = 0,93 tỷ đồng.

Dự kiến các khoản thu trong kế hoạch 2024 huyện Đắk Hà

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Thành tiền				Ghi chú
			Đơn giá (tỷ/ha)	Hệ số điều chỉnh	Thời hạn SD đất (năm)	tỷ đồng	
	Dự kiến các nguồn thu:					692,58	
I	Giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất					642,99	
1	Thu từ giao đất ở tại nông thôn	30,2	6,53	2,65	Lâu dài	522,60	Các xã
2	Thu từ giao đất ở tại đô thị	5,99	13,4	1,5	Lâu dài	120,40	Thị Trấn
II	Thuê đất					49,59	
1	Thu từ thuê đất TMDV khu vực nông thôn	11,19	5,22	2,65	50	3,10	Các xã
2	Thu từ thuê đất TMDV khu vực đô thị	1,21	10,72	1,5	50	0,39	Thị Trấn
3	Thu từ thuê đất SKC, SKN khu vực nông thôn	140,1	5,22	2,65	50	38,80	Các xã
4	Thu từ thuê đất SKC, SKN, khu vực đô thị	19,82	10,72	1,5	50	6,37	Thị Trấn
5	Thu từ thuê đất sản xuất vật liệu xây dựng gốm sứ; đất hoạt động khoáng sản (khu vực nông thôn)	96,45	0,4	1,2	50	0,93	Các xã

7.3. Dự kiến các khoản chi:

Các khoản chi :

Cơ sở để tính toán các khoản chi trong kế hoạch sử dụng năm 2024 huyện Đắk Hà dựa vào Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Quyết định số 49/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum. Chi phí bồi thường sẽ bằng diện tích thu hồi nhân với hệ số điều chỉnh, chi phí bồi thường của từng loại đất và hệ số điều chỉnh theo bảng giá đất hiện hành cụ thể như sau:

Chi phí bồi thường cho đất trồng lúa: tại thị trấn Đắk Hà là 0,26 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,7; tại các xã là 0,25 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 1,65.

Chi phí bồi thường cho đất trồng cây hàng năm khác: tại thị trấn Đăk Hà là 0,12 tỷ đồng/ ha, hệ số điều chỉnh là 2,1; tại các xã là 0,11 tỷ đồng/ha; hệ số điều chỉnh là 2,1.

Chi phí bồi thường cho đất trồng cây lâu năm: tại thị trấn Đăk Hà là 0,1 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2,2; tại các xã là 0,09 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2,2.

Chi phí bồi thường cho đất rừng sản xuất tại thị trấn Đăk Hà là 0,065 tỷ đồng/ha, tại các xã là 0,05 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh đất rừng sản xuất tại thị trấn Đăk Hà và các xã đều là 1,6.

Chi phí bồi thường cho đất nuôi trồng thủy sản: tại thị trấn Đăk Hà là 0,16 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2,1; tại các xã là 0,14 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2.

Chi phí bồi thường cho đất ở tại nông thôn và đất ở tại đô thị áp dụng mức bình quân theo mục 7.1 ở trên.

Chi phí bồi thường đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: tại thị trấn là 10,72 tỷ đồng/ha, hệ số điều chỉnh là 2,65

*** Tổng các khoản chi trong kỳ Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 là 249,61 tỷ đồng; bao gồm:**

Dự kiến các khoản chi trong kế hoạch 2024 huyện Đăk Hà

STT	Loại đất	Diện tích	Thành tiền				Ghi chú
		(ha)	Đơn giá (tỷ/ha)	Hệ số điều chỉnh	Thời hạn SD (năm)	tỷ đồng	
	Dự kiến các khoản chi:					249,61	
1	Chi cho thu hồi đất ruộng lúa 2 vụ	1,8	0,26	1,7	50	0,80	Thị Trấn
		5,7	0,25	1,65		2,36	Các xã
2	Chi cho thu hồi đất trồng cây hàng năm	0,9	0,12	2,1	50	0,23	Thị Trấn
		23,7	0,11	2,1		5,47	Các xã
3	Chi cho thu hồi đất trồng cây lâu năm	5,3	0,1	2,2	50	1,16	Thị Trấn
		110,8	0,09	2,2		21,94	Các xã
4	Chi cho thu hồi đất rừng sản xuất, phòng hộ	-	0,065	1,6	50		Thị Trấn
		6,9	0,05	1,6		0,55	Các xã
5	Chi cho thu hồi đất nuôi trồng thủy sản	-	0,16	2,1	50		Thị Trấn
		0,0	0,14	2		0,00	Các xã
6	Chi cho thu hồi đất ở tại nông thôn	0,0	5,53	2,65	Lâu dài	0,15	Các xã
7	Chi cho thu hồi đất ở tại đô thị	1,0	15,5	1,5	Lâu dài	23,25	Thị Trấn
8	Chi cho thu hồi đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	0,5	5,22	2,65	50	6,51	Các xã
		0,0	10,72	1,5		0,00	Thị Trấn
9	Chi hỗ trợ cho thu hồi đất nông nghiệp					187,20	(gấp 3 lần giá đất thu hồi)

*** Cân đối thu chi: (692,58– 249,61) tỷ đồng = 442,97 tỷ đồng.**

Trên cơ sở lấy đất thu hồi và chuyển mục đích sử dụng đất, dựa theo bảng giá đất hiện hành của địa phương và các phương pháp tính toán được luật quy định, mà trong năm 2024 huyện Đăk Hà có các khoản thu từ giao đất, cho thuê đất. Các khoản chi cho việc bồi thường đất, bồi thường về cây trồng trên đất, di dời, tái định cư, chuyển đổi nghề. Cân đối thu chi là 442,97 tỷ đồng. Số liệu

trên chỉ là số liệu dự kiến mang tính chất tham khảo do vị trí các thửa đất, các dự án ở từng địa điểm khác nhau nên cùng một loại đất nhưng ở các vị trí khác nhau sẽ có đơn giá khác nhau và cần có công tác kiểm đếm, đánh giá thực trạng về cây trồng trên đất. Vì vậy đơn giá trong báo cáo thuyết minh Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Hà để tính toán dự kiến thu-chi là đơn giá trung bình theo bảng giá đất quy định tại Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt bảng giá đất 5 năm (2020-2024) của tỉnh Kon Tum và Quyết định số 52/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Phần IV

GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường:

1.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất:

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc và trồng lại rừng trên đất rừng đã khai thác, trồng rừng thay thế diện tích bị thu hồi, chuyển mục đích để thực hiện các công trình dự án, để tăng độ che phủ đất bảo vệ đất và môi trường sinh thái.

- Trong sản xuất nông nghiệp cần áp dụng các biện pháp canh tác luân canh, xen canh với các cây họ đậu, ... đầu tư cân đối các loại phân bón, trong đó chú trọng bón các loại phân hữu cơ, phân vi sinh để cải tạo độ phì nhiêu đất và nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Bảo vệ và cải tạo, nâng cao chất lượng đất trồng lúa nước; mở rộng diện tích đất trồng lúa nước ở những vùng có điều kiện về tưới, tiêu; thực hiện tốt việc hỗ trợ vốn cho địa phương, người trồng lúa theo nghị định số 62/2017/NĐ - CP về bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ.

1.2. Giải pháp bảo vệ môi trường.

- Tổ chức tốt hệ thống thu gom, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại và chất thải nguy hại, thực hiện xã hội hóa hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải đảm bảo về môi trường công nghiệp.

- Cụm công nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh phải có phương án xử lý chất thải để tránh ô nhiễm môi trường; cần phải thường xuyên thanh tra, kiểm tra và xử phạt các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tăng cường kiểm tra môi trường các cơ sở sản xuất nuôi trồng thủy sản.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án cụ thể về xây dựng cụm công nghiệp, các nhà máy chế biến nông, lâm sản, các cơ sở sản xuất công nghiệp,... cần chấp hành và tuân thủ nghiêm ngặt Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005; Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 13 ngày 23/06/2014; Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024:

- Thực hiện việc công bố công khai Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 toàn huyện sau khi được UBND tỉnh phê duyệt để cho các tổ chức, cá nhân được biết và nâng cao công tác giám sát thực hiện quy hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm túc KHSD đất năm 2024 đã được phê duyệt nhằm đảm bảo tính thống nhất, liên tục trong việc quản lý, sử dụng đất đúng theo quy hoạch và pháp luật. Quản lý chặt chẽ từ tổng thể đến các địa phương để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; quy hoạch, kế

hoạch của các ngành, địa phương có sử dụng đất phải dựa trên cơ sở KHSD đã được phê duyệt.

- Xác định ranh giới trên bản đồ, ngoài thực địa và công khai diện tích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ cần bảo vệ nghiêm ngặt cho các xã.

- Việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất phải tuân thủ theo KHSD đất năm 2024 đã được phê duyệt.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, KHSD đất; kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm QH, KHSD đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư dự án và thu hồi đất đối với các dự án chậm hoặc không triển khai.

- Quản lý chặt chẽ cụm công nghiệp, đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Việc sử dụng đất cho mục đích phi nông nghiệp phải theo kế hoạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Kiểm soát chặt chẽ tình trạng tự phát chuyển đổi đất trồng lúa nước sang đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản hoặc chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không theo quy hoạch; tiết kiệm cao nhất diện tích đất trồng lúa nước phải chuyển sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

- Thực hiện tốt việc đào tạo nghề, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề đối với lao động có đất bị thu hồi.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường cần mở các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn, pháp luật đất đai cho cán bộ địa chính cấp xã để làm tốt công tác quản lý, sử dụng đất của địa phương.

- Hoàn thành công tác đo đạc lập bản đồ địa chính chính quy các xã chưa được đo đạc để công tác quản lý, sử dụng đất được tốt hơn, chặt chẽ hơn.

Phần V

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 được xây dựng trên cơ sở: Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Hà đã được phê duyệt tại Quyết định số 352/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và các chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh phân bổ cho huyện và cấp huyện xác định thêm cho phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện và các ngành trong năm 2023. Báo cáo đã đánh giá biến động sử dụng đất; đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và xác định những tồn tại để làm cơ sở lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 cho các ngành để đạt được mục tiêu đề ra.

Kết quả lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 đã xác định được ranh giới sử dụng các loại đất theo quy định lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Bộ Tài nguyên và Môi trường; xác định quỹ đất đáp ứng chỉ tiêu cấp tỉnh phân bổ cho huyện và nhu cầu sử dụng đất phát triển các ngành kinh tế - xã hội của huyện, bảo đảm quốc phòng, an ninh năm 2024 theo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội toàn huyện đã được phê duyệt và quy hoạch của các ngành, chương trình của huyện đến năm 2024.

Thực hiện Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện sẽ góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 của huyện.

II. KIẾN NGHỊ

- Để sớm khai thác tiềm năng đất đai vào phát triển kinh tế - xã hội, có tốc độ phát triển kinh tế cao vượt mặt bằng chung của tỉnh, UBND huyện đề nghị UBND tỉnh, các Bộ, Ngành của Trung ương sớm triển khai và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình cấp trên tại địa bàn huyện như các công trình phục vụ mục đích quốc phòng, xây dựng các tuyến đường kết nối với đường Hồ Chí Minh các tuyến đường huyện, liên huyện, kết cấu hạ tầng khu trung tâm huyện, các công trình hạ tầng kỹ thuật xây dựng nông thôn mới... và huyện rất cần được Trung ương và các ngành đầu tư vốn hỗ trợ hàng năm để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội nhằm tạo điều kiện cho địa phương có điều kiện khai thác các nguồn tài nguyên vào phát triển kinh tế- xã hội.

- Đề nghị UBND tỉnh Kon Tum, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Kon Tum xét duyệt Phương án Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Đắk Hà để UBND huyện có căn cứ pháp lý thực hiện việc giao đất, cho thuê đất chuyên mục đích sử dụng đất và thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.